

Thụ-nữ Tân-văn

TUẦN BÁO XUẤT BẢN NGÀY THỨ NĂM



Phân sơn tô diêm sơn-hà
 Làm cho rõ mặt dân-bà nước Nam

TÒA-BÁO
 (RÉDACTION ADMINISTRATION)
 N° 44, Rue Vannier, N° 44
 SAIGON

ESPOT LÉGAL
 No. 5000 24
 17-2-32
[Signature]

Vì muốn làm quảng-cáo !

Một lần này mà thôi
Hình rọi hạ giá rẻ vô song

Cỡ 30x40 giá 5\$ 80 | Có sơn liền tấm hình làm cho
Cỡ 50x60 giá 7\$ 80 | không còn gì ăn được.

Bây nay ai lại không nghe tiếng Dakao-Photo. Hình chụp, hình rọi lớn thì khéo tốt đã cảnh, đèn hình nhỏ giá có mấy các bạc để găng giầy căn-cước cũng là tốt hơn đầu hệt thầy.

Hình rọi tuy giá rẻ nhưng làm thiệt kỹ, thiệt giòng, còn hình chụp tại tiệm từ 5\$00 trở lên thì có phần thưởng rất tốt đẹp.

Ai có hình đem lại cho bốn-hiệu sơn cho cũng được.

Cỡ 30x40 giá 1\$ 50 — Cỡ 50x60 giá 2\$ 00.

Sơn này của một nhà Bắc-vật hóa-học bên Pháp chế ra để dùng theo xứ nóng của mình. Sơn rọi môi, mọt, con hai-đuôi không ăn được mà tâm hình để đời đời không phai.

Có thợ giỏi đèn tận nhà chụp hình, giá như chụp tại tiệm không tính lên.

Dakao-Photo

8-10-12 Rue Martin des Pallières Saigon
Ngang ga xe-điện Đất-hộ. Điện-thoại số 1000.

Phòng Nhỏ và Trồng Răng

Ở đường LAGRANDIÈRE, môn bài số 20,
SAIGON, TÉL. 175

Ông PIERRE BLANC

Thầy mổ xẻ và nhổ răng gốc ở Y-hiện
thành Bordeaux xuất thân.

Dưỡng bệnh đau miệng và
sâu răng, nhổ răng không đau đớn.

Có đủ thứ khi-nghệ dùng dưỡng bệnh.

Giờ tham bệnh: Sáng 8h. tới 11h., chiều 2h. tới 7h.

Sách hữu ích nên mua

12. Cuốn « TRO CHOI » là mỗi cuốn tập thơ-ngữ
ngôn của một nhà đại văn chương Pháp là LA FON-
TAINÉ nay ông TRẦN-KIM dịch tập thơ ấy ra quốc-
âm. Những người không thông chữ Pháp mà muốn
nếm mùi vị một tập thơ rất có danh của Pháp, nên
đọc sách ấy.

Trọn bộ 2 cuốn giá..... 1\$00

Tiền gửi..... 0.20

Ai muốn mua xin do nơi nhà in An-hà
(Imprimerie de l'Ouest) Cần-thơ

TRIẾT-LÝ NHÀ PHẬT

Mới xuất-bản tại hiệu *Hồn-Trung-Côn*, 2 rue Sabin Saigon. Mua tại chỗ: 1p.00. Gửi contre remboursement: 1p.30.

MỤC LỤC:

- I.— Những tích có ý nghĩa về triết-lý.— Cõi lịch xưa mà xét ra thấy diệu lý thanh cao huyền bí và luật nghiệp báo.
- II.— Văn-đáp và đạo-lý.— Một nhà vua thông thái hỏi một nhà đại đức về mấy chữ lạc léo trong Phật-giao, có thể giúp cho độc-giả tiến bước trên đường lý tưởng.
- III.— Các nhà đại đức cao thượng.— Trong sự sanh-hoạt và học hỏi, đáng làm gương.
- IV.— Chư vị tổ sư.— Nối nhau mà làm cội đạo huệ soi một ngàn năm ở Ấn-độ và rọi ra ngoài.
- V.— Tơ-tràng.— Dùng lẽ xét đời, thoát khỏi sự chết, thoát khỏi đại ngộ. Nếu chừa coi mấy cuốn này thì nên coi: « Văn minh nhà Phật », « Thủy Huyệt-Trung đi thỉnh kinh », « Chuyện Phật đời xưa », « Du-lịch xứ Phật ».

CẤM TRÍCH LỤC CÁC BÀI VỞ ĐĂNG TRONG PHỤ-NỮ TÂN-VĂN MÀ IN LÂM SÁCH
(DROITS DE REPRODUCTION RÉSERVÉS).

PHU NỮ TÂN VĂN

Năm thứ tư, số 119 — 18 Février 1932

Chủ-nhơn : Mme Nguyễn Đức Nhuận
Chủ-nhiệm : M. Nguyễn Đức Nhuận
Bảo-quản : 48, Rue Vannier Saigon
Số đặng nói : 588, Saigon
Dag thép dtđ. : Phunutanvan Saigon

Giá báo — Một năm 6\$00 — Sáu tháng 3\$50 —
Ba tháng 1\$80 — Mua báo phải trả tiền trước, thơ từ
và mandat xin gửi cho M. Nguyễn-Đức-Nhuận chủ-
nhiệm Phụ-nữ Tân-văn, 48, Rue Vannier Saigon.

YẾU MỤC

- 1.— Bỏ cái lay đi.— P.N.T.V.
- 2.— Ý kiến về Thời-sự I, II.
- 3.— Ý của tôi về tiếng Việt-nam.— N.D.THANH.
- 4.— Bình-luận Phong-đạo — GIÁC-THIA.
- 5.— Vụ kiện bí-mật.— S.T.
- 6.— Phòng bệnh dễ hơn chạy thuốc.— V.H.
vân vân.....

VĂN-UYỄN. — GIA-CHÁNH
TIỂU-THUYẾT VÀ PHẦN NHI-ĐỒNG

MỘT ĐỀU NÊN CẢI CÁCH TRONG Đám CƯỚI CỦA TA:

BỎ CÁI LAY ĐI

Trong việc hôn-nhân của ta có nhiều cái rất nên cải-cách. Ấy là như những sự dòi của, sự coi tuổi, sự bắt bẻ năm tháng ngày giờ. Ấy đều là những tục xấu do lòng tham và do sự mê-tin mà ra, không nên để nó còn có trong đời văn-minh này.

Những cái ấy tuy là đáng bỏ, song nó đã tiềm-nhiễm vào óc người mình đã sâu quá, khó mà bảo người ta trừ ngày đi được. Đề rồi đây chúng tôi sẽ nói tới.

Nay có một sự rất trái mắt mà rất già - man hơn hết, nhiều người muốn bỏ hơn hết, là sự lay. Hôm nay chúng tôi nói trước về sự ấy, chúng tôi khuyên người ta bỏ đi.

Muốn nói đến sự này, chúng tôi phải viện lẽ ra mà nói thì người ta mới hết cãi, kéo không thì, khi bảo trong đám cưới, đừng bắt lay, người ta sẽ cãi lại rằng đừng sao được, lẽ bày ra như vậy.

Không có đâu. Lẽ có bảo lay, nhưng cái lay, theo lẽ thì có chừng, không có lay tràn-lan như ta ngày nay.

Theo lẽ thì khi họ trai qua bên họ gái, chàng rề có lay bàn-thờ bên nhà gái và lay ông-gia bà-gia. Rồi đến khi rước dâu về bên nhà trai, nàng dâu có lay tổ-tiên rồi đến cha mẹ chồng. Còn vợ với chồng thì có làm lễ giao-bái trong khi tế hiệp-cần. Trong lễ không có bày ra sự « lay họ » bao giờ.

Nói lẽ đó là theo Hội-diễn Annam ta, lễ-nghi của các vua triều Nguyễn bày ra như vậy đó. Chớ còn theo lẽ bên Tàu thì lại khác nữa. Bên Tàu, trong khi chàng rề qua bên nhà gái, lay cha vợ thì cha vợ lại có đáp bái (lay trả)

PHU NU TAN VAN

nửa kia. Còn khi dâu về bên nhà trai, ba bữa, thành vợ chồng rồi, khi ấy mới ra mắt ông bà, làm lễ « miếu-kiến », tức là lạy bàn-thờ tổ-tiên vậy.

Muốn nói lễ thì chúng tôi xin nói lễ với. Lễ như vậy đó, không hề bắt chàng-rè với nàng-dâu lạy như cuộc đất mà kêu là lễ được.

Ấy là tục. Mà tục thì đã bày ra nhiều đều quá-dáng, trái với lễ.

Thường thấy trong các làng ở Nam-kỳ ta, mà cho chí giữa thành-phố Saigon này nữa, nếu gặp một đám cưới, thì hình như họ không kể cái gì hết, kể như là cái lạy.

Khi họ trai qua nhà gái, chàng-rè với nàng-dâu làm lễ « trung-dinh ». lạy Trời lạy Phật gì đó rồi, thì lạy đến ba gian bàn-thờ. Lạy bàn-thờ xong thì lạy đến ông-nội bà-nội vợ, rồi đến cha mẹ vợ; nếu không có ông-nội bà-nội thì lại có ông-ngoại hoặc bà-ngoại, hay là ông nào bà nào đó, trên cha mẹ vợ một bậc, rồi mới chịu đến cha mẹ cho.

Xong rồi, lạy đến bác, chú, cậu, cô, dì, giương, mà không phải họ ngồi chung lại để lạy một lượt đầu, họ ngồi riêng ra để lạy từng lượt mới thêm phiên chớ. Xong lớp ấy rồi, còn đến những anh rề, anh vợ, chị dâu, chị vợ nữa, nhiều khi đến lữ (m rề hay là m vợ nó cũng ngồi kế vác đó mà bắt lạy mới ác cho. Bọn anh chị này, họ thường ngồi chung một lượt cho mà lạy, song «ó là kẻ biết nghĩ; nếu có kẻ không biết nghĩ, nó giả-dò làm lơ đi để về sau nó ngồi riêng ra bắt lạy lần nữa», là cũng phải chịu theo.

Lạy như vậy để làm gì? Người ta cất nghĩ rằng công cha mẹ s nh-thánh, nay đến ngày nên đời nên lứa thì phải đền ơn cha mẹ; mà cái ơn cha mẹ biết lấy gì đền đáp, chỉ có lạy cái lạy mà thôi.

Ừ được. Còn những cô, bác, chú, dì, cậu, giương, ăn-thưa gì mà cũng bắt lạy? Cho đến bọn anh rề hoặc anh vợ, chị vợ hoặc chị dâu, chỉ là ngang hàng với nhau, việc gì mà cũng bắt lạy cho được mới nghe?

Thiệt là tầm-lậy! Duy có xưa nay ai cũng chịu cho qua việc, không phản-đối làm chi, nên cái tệ-tục ấy cứ còn hoài.

Vì cái lạy vô-nghĩa vô-lý quá nên người ta phải bày ra cho tiền để cho mặt-môi một chút. Làm như vậy, nếu có kẻ trách, người ta sẽ nói rằng: « Lạy thì được tiền chớ có sao đâu mà không lạy? »

Đám-cưới lớn, bá-con toán là kẻ giàu có, thì lạy mỗi một người, họ cho đến đôi ba chục đồng có người họ dám cầm cho tới trăm; còn đám cưới nhỏ, mỗi người ngồi cho mà lạy, họ cũng cho được năm-ba đồng là ft.

Đều đó lại rất nên phản-đối nữa. Hạ cái thân-thể xuống để kiếm được mấy đồng bạc, ấy là việc rất giả-man, giầy đạp cái nhân-cách của người ta, coi cái nhân-cách người ta không bằng đồng-bạc. Thật là cái tục xấu quá, bậy quá, không trừ đi, là để nó làm sỉ-nhục cho cả vá loài người vậy.

Người ngồi cho kẻ khác lạy để cho tiền, người lạy kẻ khác để được tiền, hai người đều có tội hết, đối với loài người, họ đều có tội hết.

Một cái tục xấu, không hiệp với lễ, sấm ra chỉ làm nhục cho-loài người, như vậy mà chúng ta còn nên đeo theo nó làm chi ư? Từ nay bất-kỳ đám cưới nào, ta chỉ nên bắt rề và dâu lạy tổ-tiên, ông-bà, cha mẹ mà thôi, ngoài ra không được lạy ai hết là phải. Như vậy để tôn-trọng cái nhân-cách người ta một chút.

Phu nữ tan van



Y-KIẾN CHÚNG TÔI ĐỐI VỚI THỜI-SỰ.

Xin pháp-luật can-thiệp đến những kẻ « mua trính »

Cái tục « mua trính » — phải, nó đã thành ra như cái tục — bắt-dầu do người Tàu ở xứ ta bày ra mà rồi người mình bắt-chước.

Khắp nước Nam nơi nào có Khách-trú thì con gái nhà nghèo cũng đều mắc cái họa ấy. Người bên-quốc ta với nhau, đáng lẽ lo mà bài-trừ cái họa ấy đi cho nhau, mới phải; cái này, người ta lại bắt-chước họ mà làm. Thế là dân-ông Việt-nam trở hại dân-bà Việt-nam, hại lẫn nhau!

Lâu nay, nhất là ở Nam-kỳ ta, có nhiều ông nhà-giàu hay vãi tiền ra mua trính. Họ bỏ ra một chục, hai chục, nhiều lắm đến một đôi trăm đồng, họ cũng dám bỏ, để được phá trính một người con gái. Miền cho thỏa được cái dục của họ trong giây-lát mà thôi, còn người con gái ấy đâu có hư cả một đời họ cũng thấy-kê.

Người ta mới cho rằng tôi hay một vụ mua trính ở Cái-bè, người bị mua là cô Lê-thị-Th., hiện giờ tình-ảnh của cô rất là tội nghiệp.

Thị-Th. là con của vợ chồng Lê. v. C., mới chừng 17, 18 tuổi, diện-nào coi cũng khá. Nhà Lê v. C. không khá lắm, mà lại gặp năm kinh-lẽ khủng-hoàng, va phải đi ra ngoài làm ăn. Gần đó có một tay phú-hộ ngoài năm chục tuổi, bình-nhịt đã thấy thị-Th. mà nước nước miếng rồi, như dịp này bèn dùng sức kim-tiền mà phá trính thị cho kỳ được mới nghe.

Ấy là thị-Th. bị rồi đó!

Phải bị mà thôi thì còn khá; cái này, rui cho thị lại mang thối!

Tay phú-hộ có vợ, lại có con trai con gái đã nên gia-nên thối rồi nữa, bọn này cần-ngăn chồng và cha mình không được, lại nhờ thị-Th. mà ngầm dọa, xỉ mắng và dẫn-vật.

Đến khi cha thị, Lê-v.C., đi buồn về, thấy cơ-sự con gái mình ở nhà như vậy, lại đánh-chưởi thị nữa, đòi tống cổ đi đâu thì đi.

Thế là một cô gái mới lớn lên, thanh linh chịu một cái tai-nạn lớn, phần thì sỉ-nhục, phần thì đau-dớn, giặc chừng như chết được thì cũng chết, chớ chịu sao cho nổi?

Chuyện đó phát-giác ra vào độ giữa năm ngoài. Đến hôm cuối năm thì thị-Th. đã vào nằm tại nhà bảo-sản làng Hậu-thành, sanh được đứa con gái, đặt tên là con « Nghiệp ». Phải, nó là cái « ác-nghiệp » hay là cái « nghiệp-chướng » của tay phú-hộ kia mà!

Người ta nói rằng trong lúc nàng sanh-rở đó, cha mẹ nàng vì giế-dơ mà không thêm nghĩ tới; còn tên phú-hộ kia thì nó giả-dò như không biết, chẳng thêm nghĩ-ngang chi. Bởi vậy thị-Th. đương trong tuổi sanh-sản mà cơn không thuốc chẳng có, thối-cảnh thật là hãi-nghờ đang thương!

Đem chuyện này nói ra, chắc ai cũng trách thị-Th. gái lơ sao đã ngựa nghề, lại còn đại nữa. Nhưng ở dưới cái chế-độ này, chưa hề có ai dạy thị-Th. về nết-na cho đúng đắn và về tri-thức cho khôn-lanh, lại thêm thị nghèo và yếu là khác nữa, thì thế nào chẳng mắc bẫy chàng kia được? Ai ơi, hãy bỏ đi, mà chỉ nên trách nhà phú-hộ.

Trách cái tên phú-hộ ấy cũng vô-ích. Bởi vì trong khi nó làm việc ấy, có lẽ nó cũng biết là việc bậy nhưng nó cứ làm. Thế thì chúng ta đâu có trách nó, về sau nó cũng chẳng chữa đâu. Ta chỉ mong làm sao cho pháp-luật can-thiệp đến, việc làm bậy của nó thì họa-may sau này nó mới chữa, và kẻ khác mới xem gương mà không dám làm bậy như nó vậy.

Thị-Th. đương ở với cha với mẹ, không việc chi, mà vì tên phú-hộ kia buông cái đức dâm của nó ra,

PHU NU TAN VAN

đến nỗi làm cho thị trở nên đờ đẫn con hư trong gia đình, trở nên một người chịu uơ-nhuốc giữa xã-hội, danh-dự của nàng vì nó mà mất hết, như vậy, sao nó lại không có tội?

Người ta có ba cái, tẩn-mạng, danh-dự, tài-sản, là ba cái để sống ở đời; mất đi một cái, là thiệt-hại cho sự sống của họ; kẻ nào làm thiệt hại thì đối với pháp-luật phải chịu trách-nhiệm.

Bởi vậy kẻ sát-nhân cùng kẻ trộm cướp, kẻ làm thiệt-hại tẩn-mạng tài-sản của người ta, thì bị chém hoặc bị cầm tù. Còn kẻ làm thiệt-hại danh-dự như bọn nhà giàu mua trịnh đây, sao lại được ngồi yên mà hưởng sự sung-sướng của nó?

Phụ-nữ chúng tôi rất mong quan trên điều-tra mà trừng-trị kẻ nào làm quấy trong vụ này, rồi về sau gặp vụ nào như vụ này cũng tìm cho ra kẻ thủ-phạm mà trừng-trị đi, để binh-vực cho những kẻ bị thiệt-hại trong chúng tôi.

Bình văn, việc gì mà công-kích?

Cái phong-trào của thế-kỷ hai mươi này như là kéo phụ-nữ ta đi tới, không đi tới thì thua chúng kém bạn, không thích hiệp với sự sống ở thời-đại này; nhưng tro-g khi đi tới thì lại có một mớ những cái gàn, cái dở, cái cở-hũ của phong-lục mình nó trè-kéo lại, làm cho sự tẩn-bộ của chúng ta không khỏi trở-ngại vì đó.

Trong vài năm nay, cả ngoài Bắc trong Nam, phụ-nữ có xướng-khởi làm ra việc gì, ấy là, không nhiều thì ít, cũng bị người ta công-kích.

Những kẻ công-kích, phải chỉ họ nói cho ra lẽ, họ chỉ rõ ra làm việc ấy, bởi lẽ ấy là không nên, làm việc kia, bởi lẽ kia là không đáng, thì chúng tôi cũng còn có chỗ mà thương-ngợi với họ, nếu phải thì nghe lời họ cũng được đi. Cái này, họ hay phớt-đối một cách mập-mờ, không ra vạch, nhất là họ hay dùng những lời không đầu mà mai-mĩa, đem những chuyện vu-vơ mà khố-gáo, khiến cho trong đám chị em, ai hơi non gan một chút thì phải vì họ mà bước giết-lùi, thật có hại cho sự tẩn-bộ của phụ-nữ không biết bao nhiêu mà kể.

Đại-dễ như năm ngoái, ngoài Bắc chị em có tổ-chức ra mấy cuộc đi bộ, cũng đã bị họ công-kích rồi. Đến nỗi có người viết ra cả cuốn sách để công-kích, mà trong đó toàn là lời vu-vơ, không có một câu nào thiệt-thiệt hết.

Trái nhau với họ, chúng tôi cho những cuộc đi bộ đã tổ-chức mà có thành-ích đó là nên làm lắm, không có việc gì đáng công-kích hết. Bởi vì theo nguyên-lắc, đàn-bà ngày nay cũng phải có tập thể-

thao cho khỏe mạnh như đàn-ông, mà sự đi bộ cũng là một cách tập thể-thao, thế thì chúng tôi khuyên cho người ta làm không biết, chứ công-kích nỗi gì?

Ái công-kích sự đi bộ, chỉ có là người không muốn cho phụ-nữ tập thể-thao, không muốn cho phụ-nữ có sức-vóc khỏe-mạnh, chỉ có là người thù của phụ-nữ thì mới như vậy.

Sau các cuộc đi bộ, người ta công-kích lời cuộc bình văn.

Số là dạo cuối năm 1931, ở Hanoi cũng có mở Hội-chợ giúp nạn-dân Nghệ-Tĩnh như ở Saigon. Trong đêm ấy có cô V. A. bình văn, nghĩa là đọc những bài văn hay có điệu có giọng cho công-chúng nghe vậy thôi, cũng là làm một trò vui, chứ không có gì lạ, vậy mà thiếu-hạ cũng rủ nhau công-kích.

Trước đây đã có mấy tờ báo ngoài Bắc kỳ-thuat cuộc Hội-chợ đêm ấy, khi nói đến chuyện bình văn, đã ra ý mỉa-mai rồi. Nay người ta còn xuất công-xuất của mà viết một cuốn sách để công-kích nữa. Rồi thật là phi-lý, chúng tôi chẳng biết họ công-kích là công-kích việc gì?

Đọc cả cuốn sách của họ, chẳng thấy nói ra trò gì hết, chẳng thấy họ dựng lên được cái lý do gì để công-kích người ta. Sau rồi lại, chúng tôi chỉ có thể nói được rằng đó là vì họ thấy lạ nên họ công-kích.

Nếu vậy thì việc làm của họ quả là do một cái ý-thức thấp-thối không ra chi. Xưa nay chỉ có cái «bậy» mới đáng công-kích mà thôi; chứ còn cái «lạ», lâu rồi nó thành quen, chẳng đáng cho kẻ thức giả thấy mà trâm-trở làm gì! Trâm-trở cái lạ như là mặt-trời ở đất Thục, tuyết ở đất Việt, thì lương làm cho kẻ khỉc phi-cười mà thôi vậy!

Hết thời phụ-nữ trên thế-giới ngày nay, nước nào cũng vậy, cũng phải tẩn-bộ, cũng phải làm mọi công việc như đàn-ông đã làm, lấy lẽ rằng loài người chỉ có một thì sự sanh-hoạt cũng chỉ có một, thì phụ-nữ nước ta cũng vậy. Nếu vậy, sự bình văn là một sự rất thường, không có gì đáng công-kích.

Sợ trong chị em có kẻ còn giữ thói e-lẹ, thấy bị người ta công-kích rồi không dám làm gì hết, nên chúng tôi phải đem lẽ phải tổ-bày ra đây. Chúng ta ở đời, làm việc gì, cũng phải nhận lấy cái nguyên-lắc. Hễ việc gì không trái với cái nguyên-lắc ấy, tức là chúng ta làm được, đâu ai công-kích mặc ai.

Ý CỦA TÔI VỀ TIẾNG VIỆT NAM

Bản-báo tiếp được bài này của ông Nguyễn-duy Thanh, học-sanh, ở bên Paris gửi về, chuyên nói về vấn-đề chữ quốc-ngữ.

Đại-ý trong bài ông Thanh trách những kẻ dùng chữ nôm nhiều quá trong tiếng Việt-nam, mà nhất là trách ông Phạm Quỳnh; và khuyên những người cầm bút viết văn nên dùng rất tiếng nôm mà thôi.

Đọc hết cả bài, thấy cái ý tác-giả đối với tiếng mẹ đẻ thật là sôi-sảng vô cùng. Đã tôn chuộng, yêu thương nó như là trên hết mọi sự, lại còn ra công binh vức đỡ gạt cho nó nhiều bề nữa. Trong lúc ở nước mình còn có nhiều người khinh thị tiếng bản-quốc mà có cái bài như bài ông Thanh đây để đánh thức họ thì tưởng cũng là một sự hay. Bởi vậy Bản-báo cho ra liền sau khi tiếp được đề-độc-giã đọc cho sôi-dẻo.

Tuy vậy chữ trong bài ông Thanh còn có nhiều chỗ thiên-lệch; ông nói đi, nghe thì phải, song ước-chứng có kẻ nói lại thì cũng có thể còn phải hơn ông. Vậy nên đăng bài này thì đăng, nhưng một số sau đây, Bản-báo sẽ có bài để đính-chánh những chỗ thiên-lệch của ông đó, hầu cho một cái ý-kiến hay sẽ được đúng mực trung-bình hơn.

P.N.T.V.



Mới rồi tôi nhận được vài mươi số báo Phụ-nữ; xem xong mà ngồi đờng không yên; rồi bao nhiêu điều đáng mừng, đáng lo, làm cho tôi phải viết bài này.

Cái bài đã làm tôi phải nghĩ-ngợi nhiều như là bài «Nên trách các ông học Tây về». Các ông, các bà, các cô trách rất phải. Trông người rồi ngâm đến ta, thiệt là xa cách quá.

Những việc to-tát, như cái-cách của Nhật, cách-mạng của Tàu, ta không nói đến làm gì. Song còn cái việc còn-con là viết báo, làm sách để mở mang trí biết cho dân mà cũng làm không xong, hoặc không nghĩ gì tới, thì đáng giận biết là chừng nào!

Đến nỗi như thế, - cứ như ý tôi xét ra, - là tại cái bệnh cha truyền con nối (maladie héréditaire) của người mình, bệnh mac đã hơn ngàn năm nay rồi: «Bệnh khinh tiếng mẹ đẻ». Khi dưới quyền người Tàu, thì cho tiếng mình là «mách què» (nôm na là cha mách què); giờ ở với người Tây thì kêu tiếng mình là «Palois» (lời ông Hồ-duy-Kiên).

Câu nói của ông Hồ, ta không nên để ý lắm, vì ông Hồ chừng cũng là kẻ lù-lẩn; và ông Hồ còn phải dùng đến cái tiếng «Palois» để nói chuyện cùng cha mẹ, tỏ ý muốn với vợ con, sai bảo kẻ hầu, người hạ, thì rồi cũng có ngày ông nghĩ lại, sẽ ấy-này-rằng mình đã trót lỡ lời, mà không dám xui bỏ nó đi để học tiếng Tây nữa.

Song còn những người mặt to, tai lớn, học nhiều, biết rộng, đã từng sang học nước người, đem những bằng-cấp lớn-lao về, mà không nói đến tiếng ta nữa thì sao?

Báo Phụ-nữ là báo tiếng Annam, cái người Annam đến hỏi ý cụ lớn Bùi-quang-Chiều là người Annam để về đăng lên báo cho người Annam xem, cụ lớn dùng tiếng tây, nhà báo phải dịch ra tiếng ta. Ý ai ra sao? Tôi cho là một điều quái gỡ.

Người Annam có việc lên hầu quan Thâm-phần Bùi-huy-Đức là người Annam. Quan truyền bằng tiếng tây; mấy thầy Thừa lại dịch

ra cái tiếng «mách què» hay là «Palois» để cho bọn dân đối nạt hiểu. Đó lại là một điều quái gỡ.

Cụ lớn Bùi không biết tiếng mẹ đẻ đã đành; quan lớn Bùi chẳng lẽ cũng lại quên nốt nữa sao. Hay là như bọn lái trâu dùng tiếng «lóng» - hay tiếng «lài» - nói với nhau để đánh lừa người mua, ngài cũng dùng tiếng tây nói với các thầy Thừa để «loè» dân chúng! Chắc rằng không. Vì khi tôi đang còn ở bên ta, tôi có được nghe tiếng rằng ngài có lòng tốt, không như những kẻ hút máu, hút mủ của dân mà... Vậy thì tại sao mà ngài lại không dùng đến cái tiếng Annam này?... Thôi cũng chỉ tại cái bệnh cha truyền con nối tôi đã nói trên.

Vậy xin nhân cụ lớn Bùi có muốn làm thánh Găng-đi (Gandhi) - vì nghe đâu cụ có cái ý ấy - thì phải học tiếng mẹ đẻ cho thông đã, thánh Găng-đi có dùng tiếng nước Anh-làng (England) mà nói với người Ấn-độ đâu, mà cụ lại định dùng tiếng

Ông Phạm-Quỳnh có lý gì để binh lễ phải của ông, xin ông cho biết; và những người theo « duôi » ông mà dùng những chữ Mô-li-ê (đánh cái dấu nặng rõ to ở dưới chữ ê, kéo dọc làm ra Mô-li-ê thì khốn!) Mô-li-ê, Lã-phung-Tiên, Hạc-bá-Công để thay những tên cái, tên củ của người ta là Mô-li-ê (Molière), là Lã-phông-ten (La Fontaine), là Hạc-pha-gông (Harpagon) mà có lẽ phải cũng xin cho tôi hay với. Bằng không, thì từ giờ xin đừng dùng đến những tên kỹ-quặc ấy nữa, duôi thốc, duôi tháo nó đi, chớ để nó lẫn quất đây mà làm xấu lây đến cái tiếng trong sạch của tổ-tiên ta để lại.

Vì ông Quỳnh mà con trẻ tồn bao nhiêu trí để nhớ những chữ quái gở như: hoành-cách-mô, vi-ti huyết-quần, hồi-huyết-quần, khứ-huyết-quần... Rồi bắt chúng học « hoành-cách-mô » là mãn-ngân-bung, « vi-ti huyết-quần » là « mạch máu nhỏ tóc », « hồi-huyết-quần » là mạch máu về, « khứ-huyết-quần » là « mạch máu đi ». Xin hỏi ông: Căn dạy cho trẻ biết các mạch máu nhỏ tóc ở vào chỗ nào, có ích gì, hay là của bất chúng nhớ, in trong óc rằng: mạch máu nhỏ-tóc tên là « vi-ti huyết-quần »? Dịch chữ « vaisseaux capillaires » là « mạch máu nhỏ tí » thì « thất-hiểu » với người Tàu, phải không ông?

Đây về môn cách-tri đấy, không chịu dịch, rồi « quay mồm » ra mà kêu là tiếng nước nhà thiếu-thốn, phải mượn chữ Tàu vào. Chữ Tàu đấy, thì đã hay ho gì? Chỉ tổ làm bẽ óc con trẻ ra thôi. Thế mà đã ai thấy cái hại cho, vẫn cầm đầu, cầm cổ má theo. Vì thế nên ta thấy dịch « thermomètre » là « hàn thử biểu », « baromètre » là « phong-vũ-biểu ». Tôi xin hỏi: không thể dịch được là « máy đo nóng lạnh », « máy

xem mưa gió » được rư? Lại mời thấy có người dịch theo Tàu, « Nitrate de potasse » là « đạm-diêm-sa » nữa; thối cứ thế mãi thì hỏng hết. Tôi xin ông H. V. nào đã dùng chữ ấy, từ giờ chớ nên dùng nữa. Tên các chất về hóa-học có ức, có triệu, mà theo Tàu dịch tên một, thì không sao nói được, nhờ được đâu; xin ông cứ để là Nitrate de potasse, hay ông biến ngay hiệu của nó là NO₃K ra thì càng hay lắm.

Những người dịch sách cách-tri, sách thuốc v... v... đều là có ý hay cả; thật rất đáng khen, song xin chớ có đem chữ Tàu vào. Nên bắt chước người đã dịch trong « phần con trẻ » (phần Nhi-dồng) chữ « kiến-vân » ra « nghe thấy », chữ « produit » ra « số nhân được »... Nên bắt chước Bác-sĩ Mông-Điêm dịch chữ « tunique muqueuse » là « lớp da non »! chữ « tunique musculuse » là « lớp gân » (tôi e rằng chữ « gân » này khi sai, Bác-sĩ ạ). Nên bắt chước có Văn-Anh đã dịch chữ « parasitisme » là « ăn gởi », chữ « Zone des perturbations » là « miền lộn xộn ». Tuy là những điều cõn-con, nhưng xem đó ta có thể biết cái ý không muốn nhờ người. Trái lại, vì ta lại xem một vài điều cõn-con sau này mà càng chắc rằng cái bệnh cha truyền con nối nó không từ một ai: Các bà, các cô, các ông, thù, oán, ghét, ghen gì chữ « Bà », « Cô », « Ông » của mấy mươi đời để lại mà dùng chữ « Madame », « Mademoiselle », « Monsieur »? Mở tờ báo ra, nhan nhần thấy những: « Mme Xoài », « Mlle Mít », « Mr Kèo »... ; lại mới rồi cạnh cô Tố-Nữ thấy thêm chữ « Miss » nữa mới là lạ chớ (P.N. số 109)

Xem báo P. N. số 107 có bài: « Tiếng nói của loài vật », của ông V. H. đoạn cuối có nói rằng: « Minh

đĩ có một thứ tiếng riêng của tổ-tiên để lại rất qui báu, rất thâm trầm, mà có người xúi bả nó đi, học theo tiếng người khác, thì thật là lạ lùng quái dị! »

Lời nói thiết tha thay! Song tôi dám chắc rằng: Người viết câu này và trăm ngàn người đọc câu này đều hiểu rằng cái « tiếng người khác » nói đây, là tiếng Tây, tiếng Anh-lãng, tiếng Đứ, chớ không ai hiểu rằng tiếng Tàu cũng không phải là tiếng mình.

Ông Phạm-Quỳnh thấy các sách, báo ta dùng nhiều chữ Hán mà vui lòng thì cũng điên như ông Hồ-duy-Kiên muốn xúi người mình học tiếng Tây. Cũng là một bệnh điên, với ông Hồ thì người ta châu đầu vào mà trách, với ông Quỳnh thì họ cầm cổ mà theo. Song tôi xét ra, tiếng Tây đối với tiếng ta, chỉ là một cái bệnh ghê, lở ngoài da, chữa lúo nào xong lúc ấy, chớ cái chữ Tàu mới là cái bệnh gan phổi đáng lo, nếu không gặp thầy hay, thuốc giỏi thì khó lòng mà khỏi chết (tôi đã nói trong P. N. số 21, 22, vì có chữ Tàu, nên nhiều tiếng Annam không dùng đến mà mất đi.)

Cũng may làm sao về các môn khoa-học đất nước Nam chưa « nứt » ra vài ba người như ông Phạm-Quỳnh; chớ « nứt » ra rồi, thì thật là nguy quá. Vì rằng về « văn-chương » mà chúng tôi đem những chữ đặt ra, bằng tiếng nước nhà, như « chung-cúa », « đổi lệnh », mà thay cho những chữ « cộng-sân », « cách-mệnh » thì chắc không thể nào được; các báo nói đến hằng ngày, giờ cho có phải mấy đi nữa, nghe cũng thành ra ngang tai. Chớ về khoa-học mà chúng tôi đem những chữ « máy đo nóng lạnh », « máy xem mưa gió », « mạch máu đi », « mạch

máu về », « mãn ngân bung », « mạch máu nhỏ tí » mà thay cho những chữ « hàn-thử biểu », « phong-vũ biểu », « khứ-huyết-quần », « hồi-huyết-quần », « hoành-cách-mô », « vi-ti huyết-quần » thì chúng tôi chắc rằng không gặp phải bực « Vạn-lý trường-thành » (Grande Muraille) của nước Tàu.

Về hóa-học, tôi xin đem những tiếng mọi nước đều dùng, rất gọn gàng vào thay cho những cái tiếng ngọng của Tàu như « Bô-lô », như « đạm khí », « dưỡng-khi », « than khí » v... Tôi đã nói rõ trong số 21, 22, tôi xin nói lại đây rằng: không còn cách gì lợi hơn nữa.

Một là, những tiếng ấy là tiếng một, vậy rất dễ nói, dễ nhớ cho ta: chất P, chất S, chất I, chất Ra, cùng lắm là hai tiếng: chất Sb, chất Mn, chất Mg.

Hai là, ta đọc thế nào viết luôn thế; khỏi phải khổ như người Tàu, đọc kinh-khi rồi phải viết là H, như người Tây đọc Etain rồi phải viết Sn.

Ba là, cũng một công học, một đẳng học là « kinh-khi » rồi phải học thêm H nữa, một đẳng chỉ phải học có H không thôi, đẳng học hơn?

Bốn là, cái cách gọi tên các chất kép (nomenclature des corps composés) sẽ dễ trăm phần. Khỏi phải lo như người Tàu đặt cho mỗi chất mỗi tên riêng — Các chất hóa-học có đến ức, triệu, đặt thế nào hết được —, khỏi phải lo như người Tây khi nói « acide sulfurique » thì phải viết hiệu nó thế nào, khi nói « acide sulfureux » phải viết thế nào. — Người Tây nói « acide sulfurique » chưa chắc đã biết trong có những chất gì, có mấy phần S, mấy phần O, mấy phần H; người Tàu gọi là « Á-lưu-toan » lại càng mịt mù lắm. Người Annam ta gọi là « S O bốn H hai » rõ ràng lắm: biết đó là chất « ác-xít » vì thấy một

chất về loài « như kim » là S hợp với chất H, biết ác-xít ấy nhiều O hay ít, có những bốn O (Tây gọi « ique » đứng sau), không làm với SO ba H hai vì đẳng này có ba O, (Tây gọi eux đứng sau, acide sulfureux).

Tôi nghĩ không còn cách nào hơn nữa. Nhất là, tôi học ở đây, lớp Hóa-học có tới hơn trăm người Annam, Tây, Tàu, Nhật, Đứ, Ét-panh... mà hỏi họ, ví dụ, « acide nitrique » ở đầu thì không mấy người hiểu, mà hỏi NO₃H thì ai cũng biết ngay.

Có người nói: Gọi như vậy thì rất tiện về « Hóa-học các chất mỏ » (chimie minérale) vì hiệu ngắn, dễ nhớ, dễ đọc, chớ về « các chất kép của C » (chimie organique ou chimie des composés du Carbone) hiệu dài dằng-dặc thì nhớ thế nào? Cái đó không lo; khó là khó đặt tên về « các chất mỏ » thôi, chớ về « chimie organique » đến Tây cũng không đặt được, mà phải đặt tên riêng. Song đặt cũng không khó gì, ta sẽ lấy cái tánh riêng của chất ra mà gọi tên nó. Và lại những chất ấy thì ít so với những chất ta có thể gọi bằng hiệu. Lại một lẽ nữa là chính người Tây có dùng những tên đặt ấy một mình đầu, bao giờ muốn cần-thận họ cũng biến thêm hiệu nó nữa.

Có người nói: cách đặt tên như vậy chỉ dùng được vào việc học thôi, chớ việc buôn bán không tiện. Sao lại không tiện? Một đẳng nhớ chữ S O ba, một đẳng phải nhớ « vô-thủy lưu-toan » hay « anhydride sulfurique » thì đẳng nào hơn?

Khi tôi viết bài « muốn làm cho tiếng Annam giàu » tôi tưởng rằng chỉ có mình tôi, nghĩ đến cách đặt tên như vậy. Sau xem ra thì người Tàu cũng có ý ấy đã lâu; nhưng họ đặt không

thành. Không thành là vì họ đem những tiếng « kinh-khi, dưỡng-khi, đạm-khi, sinh-diêm v... v... » vào, mà chỉ những chữ H, O, N, S, thành ra khi họ nói « Sinh nhất dưỡng tam », mà họ viết S O₃, thì chữ S O₃ ấy nó không có dinh-dưỡng gì với chữ si h của chữ dưỡng của họ; cái hỏng tại đó. Nhưng ta thì không, ta đã yên trong trí rằng cái chất vàng vàng, đốt lên khiên khét, ngửi mùi như mùi diêm lúc mới cháy, là S, mà cái hơi nhờ nó ta mới sống, vì có nó mà có chất ác-xít, vì có nó mà có lửa cháy, là khí O, rồi ta gọi S O₃ thì ta hiểu ngay là ta muốn nói gì rồi.

Nghĩ buồn cười mà lại đáng giận cho người mình nữa: bảo phải thì chẳng nghe. Bảo gọi cái chất mà Tây gọi là Tellure là Te, chất Molybdène là Mo thì đã ai chịu theo đây! Đến khi thấy ông thầy Tàu ông bảo gọi là « Tê » là « Mô » thì cầm đầu, cầm cổ mà theo răm rắp! Rồi ông bảo phải gọi « Bôre » là « Bô-lô » « Clôre » là « Lưc » cũng vàng xin theo nốt. Cái tánh theo người của mình, càng nói đến càng tức tối, ruột căng xót xa!

Cho đến mới rồi, có người dịch chữ « Ưng thanh trùng » là « sâu nhái tiếng », quan Ngự-sử ngài lại « bề hành, bề họ » mãi, rồi nói rằng chữ « ưng thanh trùng » hơn, chớ đem chữ « sâu nhái tiếng » vào, thì xấu cái tiếng An-nam đi (số 99).

Xem đến đó, tôi sợ toát mồ-hôi ra, lo cho cái tiếng mới kia sắp phải « duôi ra ngoài xứ » thì lại có ông Ngô-Dận cũ họ mãi cho (P. N. số 103); may ra thì cái tiếng « sâu nhái tiếng » từ nay khỏi phải lìa cửa, lìa nhà; nhưng khốn nỗi, phải thay họ « sâu » mà lấy họ « trùng » thì nghĩa là phải có người Tàu đứng đỡ đầu, làm cha-nuôi cho, thì mới được

PHU NU TAN-VAN

ở đất nước Việt-nam này. Phải, non sông này có chứa những cái tiếng «mach que», tiếng «Palois» ấy đâu! Thật là tìm gần, tìm ruột. Chữ «Trùng» của Tàu, nghĩa nó rất rộng: loài chim, loài cá, loài bốn chân, loài người đều là trùng cả. Mà cho nói nghĩa hẹp đi nữa thì «trùng» là sâu, hay bọ. Vậy dùng chữ «sâu» hay «bọ» thì còn rõ nghĩa bằng mấy dùng chữ «trùng». Thế mà không muốn dùng, mới khổ cho chữ! Có tại sao đâu, chỉ tại rằng: tiếng «sâu» tiếng «bọ» là tiếng An-nam, mà «trùng» là tiếng Tàu. (1)

Báo Phụ-nữ đặt ra cái mục «Vai nữ-sử trên đàn văn» rất phải, quan Nữ-sử bề lắm chỗ rất hay; song lần này thì rất kém. Từ giờ tôi xin ngài nên rộng cho người dịch: dịch có sai một chút cũng còn hơn là để nguyên chữ của người mà dùng.

Những người học văn Tây văn Tàu nhiều, nếu muốn có ích cho

(1) Mục «Nữ-sử đàn-văn» của Bồn-bào hồi đó bề ba chữ «sâu nhái tiếng» là cốt chỉ không chịu làm lộn sâu với bọ trong tiếng ta mà thôi. Trong tiếng ta, phân biệt sâu với bọ ở nơi bọ có tiếng mà sâu không tiếng. Nay nói sâu nhái tiếng, có phải là làm xáo-bậy tiếng mẹ đẻ đi không? «Quan Nữ-sử» của Bồn-bào chỉ dựa vào cái lẽ ấy là lẽ quan-hệ hơn hết mà bề, rồi bảo bỏ cái danh từ (terme) ấy đi mà dùng dùng, chứ không hề bảo để y chữ «trùng thanh trùng» của Tàu.

Sự phân-biệt sâu và bọ, bọ có tiếng mà sâu không tiếng, cái đó là cái hay trong tiếng ta; ai làm xáo-bậy cái hay ấy đi, Bồn-bào phân-đối, chứ Bồn-bào chẳng hề bảo nói theo chữ Tàu bao giờ, chẳng hề sợ xấu tiếng Annam đi bao giờ.

Sự Bồn-bào phân-đối đó là chuyện vì con đường khoa học sau này mà phân-đối, chứ vì tiếng nói thì có gì.

Tác-giả bài này không chịu nhìn thấy chỗ đó cho kỹ, trở nói sai đi, nên Bồn-bào phải đính-chính lại.

P. N. T. V.

người oàng giống, thì nên dịch những điều hay mình đã học, những ý sâu sắc của người, mình đã xem. Ví dụ như những câu: «Hữu duyên, thiên lý năng tương ngộ, vô duyên, bán bộ bất tương phùng, hoặc đối diện bất tương phùng.»

Câu «Bần cư trung thị vô nhơn vấn; Phú tại thâm sơn hữu khách tầm.»

Là những câu lời hay, ý dùng, nhưng để như vậy thì đã mấy ai hiểu, mà đem dịch ra, như:

«Có duyên, ngàn dặm chẳng xa, không duyên, nửa bước mà ra muốn trùng.»

Hoặc: «Không duyên, trước mặt mà ra muốn trùng.»

Như: «Nghèo ngay giữa chợ không người hỏi, Giàu tận non sâu có kẻ tìm.

Hoặc: «Nghèo ngay giữa chợ ai nhìn, Giàu mà muốn dậm cũng tìm đến nơi.»

Thời không một người Việt-nam nào là không hiểu. Tuy không dùng từng ly, từng tý một, nhưng không mất nghĩa chính là đủ. Nếu ai cũng nghĩ đến thế cho, thì thật là may cho cái tiếng Annam này lắm. Bằng cứ nghĩ như ông Phạm-Quỳnh rằng đem tiếng nước Tàu vào là làm cho tiếng Annam giàu lên, thì hỏng hết.

Vậy tóm lại bài này, tôi xin các nhà viết sách, viết báo nhớ cho rằng: Chữ «trùng» đối với tiếng ta, cũng như chữ Tây, chữ Đức; nghĩ cho rành: Có vì lẽ gì riêng nên cụ Nguyễn-Du mới không nói: «Trải qua một cuộc tang thương.»

Mà nói: «Trải qua một cuộc bể dâu.»

Không nói: «Trông lên thiết-diện đen sì.»

Mà nói: «Trông lên mặt sắt đen sì.»

Không nói: «Sau dù «vạn nhất» thế nào.»

Mà nói: «Sau dù «muôn một» thế nào.»

Như là tôi xin các báo không nên dùng những chữ Tàu vào khoa-học, không nên dùng những chữ như khinh-khi, đởng-khi, thân-khi, diêm-sinh, lân-tinh, lưu-hoàng, v.v... Vì nếu dùng mãi mà thành quen thì sau không thể nào mà dịch lại được nữa đâu. Xem như nước Tàu ngày nay cũng chưa sao dịch được đó; theo họ thì cũng lại dậm vào cái bước khó khăn của họ mà thôi. Nếu không cho lời tôi là phải, thì hãy xin dùng tam chữ Tây, song cạnh các chữ hydrogène xin viết kèm cho chữ H. cạnh chữ Oxygène viết cho chữ O. vì rằng các ông theo Tàu, theo Nhật, theo Đức, theo Tây chẳng nữa, các ông cũng không thể nào bỏ được những chữ H. chữ O. đâu.

Vì tờ báo này không phải là tờ báo khoa-học, và chuyện khoa-học ít người muốn nghe, nên tôi không thể nói rất rõ ràng được. Song ước ao rằng những ý chính mọi người hiểu cho, và các nhà báo, như là báo «khoa-học» để ý đến cho, thì thật là may cho tiếng nước nhà nhiều lắm.

NGUYỄN-DUY-THÀNH
Điện máy chuyên nghề
41 - Rue Jordan Paris.

Chị em nên nhớ ngày 1er cho đến 7 Mai sẽ có Hội chợ của Phụ-nữ tại Saigon

Bình luận Phong dao

«Giường rộng thì ghé lưng vào,
«Ngàn năm ai có tơ-hào với ai.»

Có nhiều câu phong-dao, như câu này, mới nghe hình như lơ-lửng, chẳng biết cái hay ở đâu, mà kỳ thiệt là hay lắm, bởi ý-nghĩa nó rất cao.

Trong câu đó không có chủ-từ (sujet), hay là có (chữ ai) mà không phân-minh; tuy vậy chữ ý rõ ràng lắm: người nam nằm chung với người nữ mà chẳng hề có sự hiềm nghi một mây-mùn (tơ hào) nào; chẳng những một giây một lát mới thế mà thôi, dầu cho nằm đến ngàn năm cũng thế!

Đó, cái đạo đức thật là ở đó. Gần nhau mà không đến loạn bậy, thế mới là đạo-đức.

Ta, theo lẽ dạy, con trai con gái từ bảy tám tuổi thì đã không ngồi chung chiếu; lớn lên, không được liếc tay trao nhận vật gì cùng nhau. Bị ngăn cấm quá, không được gần nhau, rồi đến lúc được gần một cái là loạn bậy. Thế thì cái đạo-đức ấy không phải là thật mà là giả.

Cho nên nam nữ thanh-niên phải dưỡng thành cái tư-cách cao-thượng của mình từ thuở nhỏ. Đối với sự quan-hệ giữa nam nữ, phải có hiểu biết tới nơi, lại quen dùng lễ-mạo mà giao-tế cùng nhau nữa, rồi cái tư-cách cao-thượng ấy tự-nhiên nó được dưỡng-thành.

Muốn cho con trai, con gái, đàn ông, đàn-bà đều có cái tư-cách ấy, phải có giáo-dục mới được.

Thường thường người ta nói «tam-đức» là gì? Ấy là đức-đức, tri-đức và thể-đức. Đức-đức là un-đức cho có đức-hạnh; tri-đức là mở-mang tri-khôn; thể-đức là tập-rèn thân-thể cho mạnh-khoẻ. Ấy vậy mà trong cõi giáo-dục ngày nay, người ta thêm một «đức» nữa, gọi là «tư-đức»; đều đó không khỏi làm lạ tai người mình!

Cái đức thứ tư là gì? Là tánh-đức.

Chữ tánh này khác với chữ tánh là tánh-mang, tánh-linh. Chữ tánh này do người Nhật-hồn bắt đầu dùng mà dịch chữ «Sexe» của Tây: «Sexe masculin» là nam-tánh, «Sexe féminin» là nữ-tánh, rồi chữ tánh-đức từ đó sanh ra.

Sự dạy cho người ta hiểu rõ sự quan-hệ giữa nam nữ để mà dưỡng thành cái tư-cách cao-thượng của mình, người Tây gọi là «Education Sexuelle»; người Nhật và người Tàu bèn dịch ra là tánh-đức.

Các trường học phổ-thông cho nam nữ của các nước bên Tây, đã có khoa tánh-đức, đành rồi; hiện nay các trường học bên Tàu bên Nhật cũng

Sự làm tốt của người xưa

Từ khi có người đàn-bà, và khi người đàn-bà biết quý trọng đến nhan sắc, là họ quan tâm đến nước da liền. Ấy là cái thiển-tánh làm tốt của họ nó khiến cho họ mau nhận thấy cái vẻ yêu kiều của họ làm cho người khác phải mê-mẩn là cái màu da đẹp hồng hồng, có một cái màn thiên-nhiên mỏng mảnh nó bao trên hai gò má.

Những người đàn-bà Pháp, ở về thế-kỷ XVII mà ngày nay hình ảnh của họ còn để lại, chỉ cho ta thấy rõ màu da đẹp của họ cũng đã từng chịu sự đau đớn, để giữ lấy màu tươi lúc xuân thời. Có người kể ra rằng có có thiếu phụ kia không ngại ngưng gì mà không mượn một ông thầy giỏi-phẫu, để sửa sang tô điểm da-thịt của cô một cách kín đáo. Trong thời ấy, sự vệ-sanh về vật thực thật là khă ố. Mắm cao cổ dầy, thịt thú, thịt chim, thiếu hẳn đường thể dục. Vì vậy mà người ta phải dùng đến phương pháp đan đi kia.

Ngày nay, cuộc đời của chúng ta đã khác hẳn, người ta biết cách ăn uống, và không cần chi đến thầy-thuốc, cũng tự giữ lấy nhan sắc được.

Chúng tôi xin bày một phương-pháp rất dễ-dàng mà đã lâu rồi những người đàn-bà ở phía Bắc nước Pháp, là hạng người thịt mềm dạ đồ đều đã biết hết. Ấy là uống rượu bồ làm bằng thứ lúa mạch-nha (orge), nhưng lúa mạch-nha này thì ở Đông-pháp lại tự nhiên không có, song đã có thứ rượu bột tươi, nó cũng gồm đủ cũ các chất bồ như mộng lúa mạch-nha kia vậy.

Uống thường thứ rượu bột này thì nhan sắc của mình sẽ còn chắc đẹp hơn là dùng dầu mỡ gì mà thoa hết, và những bà mẹ nhỏ dùng nó, lại sẽ có sữa thật dầy-dữ cho con mình dùng nữa.

DOCTEUR DUBOIS

đều có khoa tánh-đức rồi nữa.

Cái mục-dích của tánh-đức là để gây nên cái đạo-đức mới, cũng là cái đạo-đức thật.

Cái đạo-đức ấy, coi như câu phong-dao trên kia thì ông bà ta đời xưa đã có rồi, mà ngày nay đã vì có gì đó (?) làm mất đi, nên ta phải gây cho có lộn lại.

GIÁC-TRIA

NGƯỜI ĐÀN BÀ TRINH

HAY LÀ

VỤ VIỆN BÍ MẬT

(Chuyện Thổ-nhi-kỳ)

Hết thầy đàn-bà trên thế-giới này, tướng duy có đàn-bà Thổ-nhi-kỳ là có nét trinh hơn hết. Theo lẽ-tục họ, phu-nữ không hề đi ra ngoài; mà hề đi ra là có che lúp trên mặt. Cái cách kín-công cao tường của họ còn hơn đàn-bà Ấn-độ và đàn-bà Tàu ngày xưa nữa.

Tuy vậy, sự giữ-gìn khem-cử ấy chưa đủ gọi là trinh. Một người đàn bà mà có nét trinh thật, là khi nào phải bước lưu-ly cùng-khốn mà không chịu làm nhục đến thân, và nhất là khi có cái thế-lực oai-quyền nào đè ép mà nhất định không vì đó đổi tiết, như thế mới gọi là trinh thật.

Theo nghĩa chữ trinh đó, thì người đàn-bà Thổ-nhi-kỳ có chuyện sắp kể dưới đây thật là đúng lắm. Ấy là một chuyện như chuyện đời xưa ở bên nước Thổ, mà chuyện rất hay, rất thú, lâu nay nhờ dịch ra nhiều thứ tiếng mà đã lưu-truyền hầu khắp thế-gian.

Ở Thổ-nhi-kỳ, đời xưa, có một ông vua, chiều chiều, đứng trên lầu cao hóng mát, nhưng mắt trông ra bốn phía, trực nhìn thấy trong một tòa nhà gần bên đó có người đàn-bà trẻ đẹp lạ thường. Vừa xem thấy cái sắc cá lặn nhận sa, vua thiếu đều sững-sờ ngáy-ngất cả người. Chập lâu vua xây lại hỏi cung-nhân đứng hầu, ấy là nhà của ai đó? Cung-nhân tâu rằng đó là nhà Phi-lu-xi, thị-thần của vua; còn người đàn-bà tuyệt-sắc kia, tức là vợ của Phi-lu-xi vậy. Sau rồi, cung-nhân còn nói thêm rằng: « Nàng ấy chẳng những tư-dung tuyệt thế mà thôi, và cũng có tài miệng lưỡi lanh-lợi lắm nữa. »

Vua trở về cung, kêu lập tức Phi-lu-xi đến trước mặt mình, giao cho và một phong thơ, bảo phải chính mình cầm đưa cho một vị công-tước ở cách kinh-thành hơn một ngày đường.

Phi-lu-xi đưa hai tay ra cung-kính mà nhận lấy phong thơ, đoạn, trở về nhà mình. Chàng va sắm sửa đồ hành-lý, vội vàng ra đi, rồi làm sao nhè bỏ quên phong thơ ở nhà mà không đem theo.

Vua đợi đến giờ liệu chừng Phi-lu-xi đã lên đường rồi, bèn đi thẳng tới nhà và mở cửa.

Vợ Phi-lu-xi ở trong nhà, nghe gõ cửa, cất tiếng hỏi: Ai?

« Mở cửa mau lên! » Vua đứng ngoài cửa, dùng giọng nói hề trên mà trả lời. Sau khi cửa mở rồi, vua đi lừng-lặng vào nhà, vừa đi vừa nói: « Hôm nay ta tới nhà nàng làm khách ». Nói rồi, ngồi đại trên sạp.

Người đàn-bà sang-trọng và có miệng-lưỡi lanh-lợi kia, thấy ông quý-khách lạ mặt đến nhà mình trong khi chồng vắng, mà lại làm cách đường-đốt như vậy, thì có ý ngạc nhiên, nhưng vẫn chững-chàng lắm, sẽ mở miệng tươi như hoa mà hỏi rằng:

— Chẳng hay quý-khách đến nhà chúng tôi, toan dạy bảo cho chúng tôi điều gì?

— Không có gì hết, ta chỉ đến thăm nàng mà thôi. Vua trả lời cách tự-nhiên như vậy.

— Lay Chúa phù-hộ tôi! Người đàn-bà nói: Tôi chẳng biết sự thăm ấy lấy danh-nghĩa gì?

Vua muốn cho nàng biết ngay mình là ai, bèn nói rằng:

— Ta là chủ của chồng nàng, há nàng lại chẳng nhìn biết ta sao?

Người đàn-bà bấy giờ làm ra bộ nửa mừng nửa sợ, khép nép bày lời:

— Lay Chúa phù-hộ tôi đừng phạm tội lỗi chi! May làm sao Bệ-hạ lại quang-lâm đến nhà thần-thiếp, thần-thiếp xiết nỗi vui mừng!

Dứt lời, lại ngâm luôn mấy bài thơ, trong có câu nói ý như vậy: « Cái chén này con chó của ai đã liếm qua rồi, không đáng cho ai liếm lại! »

Nghe mấy lời ca ấy, vua thẹn đỏ mặt, liền đứng dậy đi ra khỏi nhà, không kịp chào. Vì lật-đật quá, vua bỏ lại một chiếc khăn vương.

Phi-lu-xi đi đến nửa đường, nhớ sự lại phong thơ của vua giao cho mình đã bỏ quên ở nhà, bèn vội vàng trở về lấy. Lúc đó vua đã đi ra khỏi nhà rồi, nhưng chiếc khăn vương của vua bỏ quên đó, bị Phi-lu-xi nhìn ra. Va thấy chiếc khăn thì trong lòng như đốt đuốc, liền đoán ngay ra được vì cơ nào mà vua bỏ lại ở đó.

PHU NU TAN VAN

Tuy vậy, Phi-lu-xi không nói rằng chi hết, cứ việc vàng làm công-việc sứ-mạng của mình. Sau khi đi sứ về rồi, va mới cấp cho người vợ một trăm đồng vàng, biếu về tạm bên nhà cha mẹ mà ở ít ngày; bởi va nói dối với vợ rằng: « Minh nè, nay hoàng-thượng có ban cho chúng ta một sở vườn-nhà khác đẹp hơn, tôi phải lo liệu dọn qua đó mà ở; thế thì minh hãy về bên mà tạm-trú ít hôm. »

Người đàn-bà nghe chồng mình nói, tưởng là thật, liền về ở bên nhà cha mẹ. Nhưng mà lạ thay, trải qua ngày tháng khá lâu rồi, cũng chẳng thấy Phi-lu-xi đến rước vợ trở về. Lấy làm khảnghĩ lắm, người anh ruột của nàng bèn đi tìm Phi-lu-xi mà nói chuyện.

— Này, đừng hần! chờ làm sao lại bỏ vợ hèn lâu mà không ngó đến? Hãy nói rõ sở-di cho ta nghe, không thì ta lôi người ra chốn pháp-đình. Người anh vợ Phi-lu-xi nói cùng va như vậy.

— Gõi đây, Phi-lu-xi đáp, tôi đã tình gia-tai phần vợ tôi bao nhiêu mà đưa cho nó rồi. Thế nhưng anh có muốn đem tới cửa công thì tôi cũng lại bằng lòng vậy.

Thế là ngày hôm sau, hai người đồng ra trước mặt quan tòa. Theo pháp-luật Thổ-nhi-kỳ đời xưa, giữa tòa-án, ngoài quan-tòa ra, bao giờ cũng có vua đến ngồi đó thị-thiêng; bởi vậy khi hai người bước vào tòa, thấy vua đã ở đó.

Người anh vợ Phi-lu-xi đứng về bên tiên-cáo, trần-thuật đầu-đuôi vụ kiện của mình như vậy:

— Bẩm quan-tòa, chúng tôi cho người này (chỉ Phi-lu-xi) thuê một sở vườn, hỏi cho thuê, hỗn phía vườn có rào-giậu hẳn-hỏi, trong vườn đầy những là cây-trái, người này ăn trái xong, phá rào-giậu, lại lấp giếng nữa, rồi đem cái vườn trả lại cho chúng tôi, quan lớn nghĩ có trái lẽ không?

Quan-tòa phán hỏi:

— Hỏi Phi-lu-xi, nhà người có lời gì đáp biện lại kẻ cáo người?

— Bẩm quan-tòa, Phi-lu-xi nói, không có vậy đâu, tôi đã bón phân và tưới cho đất trong vườn ấy trở tốt hơn trước.

Quan tòa liếp hỏi:

— Thế thì nhà người có bỏ-bê cái vườn ấy và đem trả lại cho chủ nó không?

Người anh vợ xen vào nói rằng:

— Bẩm phải. Va bỏ đi và đem trả cho chúng tôi rồi. Xin ngài hỏi vì cơ gì mà va được làm như vậy.

— Tôi nói cho có Trời! Phi-lu-xi thưa, sự trả

lại cái vườn không phải là sự tôi muốn; chỉ vì có một lần tôi thấy trong vườn có dấu chim sứt, tôi e con sứt-đực ấy có ngày nó làm bất lợi cho tôi chăng, bởi vậy tôi quyết-tinh bỏ cái vườn ấy cho con sứt-đực nó làm gì đó nó làm.

Ông vua ngồi trên cao, nghe qua lời ấy, không đứng được mà phải đứng dậy phán như vậy:

— Hỏi Phi-lu-xi! Nhà người hãy trở lại trong cái vườn ấy mà nhận hưởng sự an-vui của mình một cách im-lặng đi! Xin Thượng-đế giám-chứng lời ta! Con sứt-đực kia nó có tới trong vườn đó một lần thật, nhưng nó chưa hề hề một nhánh lá, ăn một trái cây, lúc cao-hứng thì tới chơi, đến chừng bại-hứng thì nó đi mất. Ta đây chưa hề thấy có cái vườn nào mà rào-giậu cao và kín, cửa đóng chặt khừ, đường đi sạch trơn như cái vườn nhà người ở đó vậy! Thôi, Phi-lu-xi hãy về ở lại trong vườn ấy đi! Nhà người nên biết cái vườn của nhà người là đáng quý lắm, nhà người khá rán hết sức làm trọn bổn-phận mình đối với nó!

Nghe được mấy lời của vua, hai bên nguyên, bị đều vui vẻ mà xin cùng tòa cho hòa-hưu bãi-nại. Rồi những người đến coi tòa xử hôm ấy, mà cho đến quan tòa nữa, cũng chẳng biết vụ kiện ấy thiệt tình nó là thế nào. Đó rồi Phi-lu-xi mừng-rõ biết bao, liền tới nhà bên vợ mà rước vợ lộn về, và đó sắp sau, đối với vợ lại càng yêu-chuộng hơn trước.

S. T.

Cũng là chánh danh

Thuở Minh-mạng, trong những lời tấu sớ dâng lên cho vua, khi có nói về sự do vật gì, người ta hay dùng chữ « tâm » để chỉ cái số 5 thước.

Đức Minh-mạng bèn xuống lời dụ cho Nội-các mà cấm-chỉ cách xưng hô ấy đi, dụ như vậy:

« Tâm thước vào một « tâm », hai « tâm » vào một « thước ». Tra trong các sách đời xưa đều giải nghĩa rõ ràng như vậy cả. Vậy mà bấy lâu người mình theo thói quen, cứ kêu năm thước là một « tâm », như thế sai lầm biết bao.

« Từ nay trở đi, bất kỳ công tư, khi có đo-dần vật gì và ghi lên trên giấy, thì phải dùng thước và trượng mà kể; cứ mười thước vào một trượng, chớ cấm tuyệt không cho dùng chữ « tâm » nữa.

« Làm như vậy là để cho danh thiệt xứng với nhau. »

(Việc trên đây trích ra từ trong sách « Minh-mạng chánh-yếu » cuốn thư 18, trượng thư 31).

PHÒNG BỆNH DỄ HƠN CHẠY THUỐC

« Đợi đến khi mắc bệnh mới lo tìm thầy, chạy thuốc, thì khó khăn, tốn kém rất nhiều, chi bằng ta lo ngăn ngừa bệnh trước, có phải là đề và ít tốn hơn không? »

Giáo-sư A. CALMETTE



Chứng mười năm trở lại đây, ai cũng thấy ở nước ta sanh ra nhiều chứng bệnh rất mới, rất lạ, chẳng ai ứng nó mới, nó lạ với dân ta, là một dân-tộc, phần đông chưa hiểu phép vệ-sanh à cái gì, mà cho đến các tay giáo-sư, bác-sĩ, xuất thân ở các Y-học-viện lớn bên Âu bên Mỹ, cũng cho nó là mới lạ, có nhiều khi chỉ biết phòng ngừa mà thôi, chứ cũng không biết làm sao mà trị nó cho lành.

Theo sự hiểu biết cạn hẹp của tôi, tôi cho những chứng bệnh mới lạ ấy sanh-sản ra, một phần nhỏ là tại không-khí không được trong sạch, mà một phần lớn là tại vật-thực của ta dùng hằng ngày không đúng phép vệ-sanh vậy.

Nói về không-khí, thì ngày xưa người mình ở rải rác nhau ra, mỗi xóm lổn trăm người, mỗi chợ lổn ngàn người là đông, bởi vậy không-khí vẫn còn giữ được sự tinh-sạch của nó, nên con người hút thở mới được nhẹ nhàng thông thả.

Ngày nay không thể nữa. Ở các thành-thị lớn, có đến hàng ngàn, hàng muôn dân cư, nhà cửa đóng đúc, đường phố chật hẹp, bởi đó sự ở ăn phải hóa ra bực bội, sự hút thở phải hóa ra nặng nề, rồi con người hay mệt nhọc, đau ốm là tại đó.

Muốn biết không-khí có quan-hệ đến sức khỏe của con người ra thế nào, ta có cách thí-nghiệm rất dễ. Ta là người ở châu-thành lớn lâu ngày, khi có dịp, ta hãy về nhà-quê chơi thử. Lúc về đến nhà-quê, chắc sao ta cũng thấy trong mình tho-thới khoẻ-khỏe, khác hẳn lúc ở nơi châu-thành, và lúc trở về châu-thành, át ta sẽ thấy hơi thở nặng nề, thân-thể mệt nhọc lại như trước.

Trong những ngày lễ, ngày tết, người Tây thường hay dắt nhau đi núi, đi biển, để đổi gió, tức là vì sự bực bội ở châu-thành mà phải đi trốn nó vậy.

Nói riêng về không-khí sạch, dơ, đã thấy mặt-thiết quan-hệ đến sự sống của con người như thế rồi, huống chi vật thực là thứ nuôi sống mạng người, nếu ta dùng đồ không đúng phép vệ-sanh, thì cái hại không biết đến đâu mà kể.

Ở trong một châu-thành lớn, ví-dụ như châu-thành Saigon-Chợ lớn ta đây, đồ ăn thức uống đã khó giữ cho được sạch-sẻ lắm rồi, thế mà những khách Huế-kiều lại còn vì lợi lớn, lợi nhỏ, xem thường sanh-mạng của bà-tánh ở trong châu-thành, nhưt là anh em lao-động nghèo khổ, và những đám trẻ con khờ dại, thì bảo sao không sanh ra nhiều chứng bệnh mới lạ ngặt nghèo cho được?

Người ở Saigon-Chợ lớn ai cũng thấy những tiệm cơm, tiệm cà-phê, tiệm cháo, tiệm nước, của khách Huế-kiều, thật là dơ dáy hết sức. Vách đen sì, bàn ghế ướt mẹp, gạch đóng đầy một lớp đất, tách đĩa dính đầy những dầu mỡ, nội bao nhiêu đồ-đặc ấy cũng đủ làm cho ta phải nhồm gớm rồi. Đến như thịt, bánh, rau, củ v. v..., treo trên kệ, hay để trên bàn, ngày này qua ngày kia, lớp ruồi lằng đặng, lớp bụi cát lấp vào, ối thôi, biết làm sao mà kể cho hết!

Người Huế-kiều, có tiếng là dơ dáy, cái đó ai cũng biết hết, chính họ nấu nướng cho họ ăn còn không được sạch-sẻ thay, huống chi bán cho người mình ăn, làm cách nào cho có lợi nhiều cho họ thì thôi, chứ ăn rồi về nhà có mắc bệnh gì, họ đâu có cần biết tới?

Gần đây lại còn thêm một mối hại lớn nữa. Một bọn khách-trú đi bán vịt nướng, gà quay, khô thịt heo, thịt bò, mè, gan, bao-từ khìa v.v... Chúng bưng đi cùng đường khắp phố, ngày này qua ngày khác, trải nắng dầm mưa, bụi cát đầy lầy, thế mà bao nhiêu chúng bán cũng hết. Ai ăn những đồ « giết người » ấy? Dân lao-động nghèo khổ, với đám trẻ con dại khờ của Annam mình chớ ai?

Ai cũng biết ở Saigon có một ban Ủy-viên để trông nom việc vệ-sanh trong thành-phố, ban Ủy-viên ấy đã giúp ích cho bà-tánh rất nhiều, song có lẽ tại công việc nhiều, hoặc tại vô ý, nên mới không thấy những cái thù nghịch với vệ-sanh đó chẳng?

Ông giáo-sư A. Calmette có nói: « Đợi đến khi mắc bệnh mới lo tìm thầy chạy thuốc, thì khó-khăn tốn kém rất nhiều, mà cũng không chắc gì chữa cho lành bệnh, vậy chi bằng ta lo ngăn ngừa trước, đừng cho mắc bệnh, có phải là đề và ít tốn hơn không? »

Lời ông A. Calmette nói thật phải, thật đúng, ai ai cũng đều phải công nhận như vậy, nhưng tôi không hiểu tại làm sao, người ta lo lập nhà-tương này, nhà-thương kia, tìm thuốc kia thuốc

PHU NU TAN VAN

CHUYỆN VUI

Ấy vậy mà cha con!

Hồi ba giờ khuya đêm 28 Tết, tại một cái quán rượu ở đường d'Espagne, có hai người, một già một trẻ, vừa uống rượu, vừa nói chuyện.

Người già hỏi:

- Cậu ở đâu?

- Ở... ở Đất-hộ.

- Ừ! Thì tôi cũng ở Đất-hộ. Bồi, đem thêm hạp ly cô-nhac nữa mấy. Nè, cậu... cậu ở Đất-hộ, mà ở đường nào đó?

- Đường... đường Paul Bert. Ừ, đường Paul Bert.

- Thiệt chớ? À, tôi cũng ở đường Paul Bert..., nói vậy thì tại mình cùng ở một đường với nhau, chớ xa lạ gì? Bồi, rót thêm hai ly cô-nhac nữa đây. Nè... cậu ở đường Paul Bert... mà số mấy đó cậu?

- Ở số... đề nhớ lại coi... à, số 726, phải, số 726....

- Ừ! Cậu ở số 726? Lạ không? Sao tôi đây, tôi cũng ở số 726? Bồi, cho hai ly nữa mấy.....

Một người ngồi bàn kế bên ngó thẳng bồi rồi nói:

- Cái gì mà lạ vậy kia? Té ra hai người này họ ở chung với nhau một căn phố hay sao?

Tên bồi cười lạt rồi đáp:

- Có chi đâu mà ông lấy làm lạ. Ấy là cha con với nhau, nhưng đến lúc say rồi, họ không biết được nhau đó chớ!

- YM -

Sở mùa Xuân hết rồi

Năm nay vì tiền bạc eo hẹp, bất kỳ việc gì cũng tính gói ghém, chớ không dám rời rạc, cho đến Sở mùa Xuân của Bồn-báo cũng chỉ in có mười ngàn số vừa đủ mà thôi, chớ không có dư. Hiện nay tại Bao-quán không còn một số mùa Xuân nào cả.

P. N. T. V.

nọ, rất khó khăn, hao tổn, mà không lo giúp tất cái ngôi sanh ra các thứ bệnh trong lúc nó mới đâm chồi nức tược ra kia?

Tôi rất ước mong ban Ủy-viên coi về việc vệ-sanh trong thành-phố, đôi ba tháng đến các tiệm cơm, tiệm cháo, quán bánh, quán trà của người Huế-kiều mà xem xét một lần, bắt buộc họ phải làm ăn cho sạch-sẻ, như cửa hàng người tây người nam kia, và Chánh-phủ cũng nên cấm tuyệt những thứ đồ ăn bán dạo như: khô thịt bò, thịt vịt quay, lòng heo khìa v. v.... hay không cấm thì cũng phải bắt họ trình xét ở đầu trước khi đem bán, hoặc phải đầy điếm gìn giữ thế nào để khỏi bị ruồi lằng cát bụi bám vào mới được.

Phòng bệnh đã dễ mà lại ít hao tổn hơn là tìm thầy chạy thuốc, nếu ban Ủy-viên trông nom việc vệ-sanh trong thành-phố cũng chịu lời ông giáo-sư A. Calmette nói là phải, thì nên trừ cái ngôi bệnh ấy trước đi.

V. H.

Làm sao cho cuộc hiện-tại
được vững bền,
ấy là trách-nhiệm đương nhiên
của chúng ta;
Làm sao cho cuộc tương-lai
được rực rỡ,
ấy là hy-vọng duy nhất
của chúng ta.

KIM-LAI TẠP-CHÍ

Mỗi số.....	6 tháng (25 số)...
.....0\$122\$80
3 tháng (13 số)...	12 tháng (50 số)...
.....1,505,00

Báo-quán: 87 đường Gia-long, Huế.

Giấy-thép tất: Kimlai Mue.

Giấy-nói: số 94.

HÃY HÚT THUỐC JOB

Một người đàn-bà ra ứng-cử Nghị-viên Tại Phòng Thương-mại Nice BÀ LAUMAY

Ở bên Pháp, tuy đàn-bà chưa được quyền cử-tri và quyền ứng-cử trong các hội-nghị về chính-trị, như là trong Hạ-nghị-viện v.v... chớ theo đạo luật ngày 11 Décembre 1921 thì ở các Phòng Thương-mại, đàn-bà đã có cả hai quyền ấy rồi.

Ấy vậy mà từ bấy đến nay vẫn ít thấy người đàn-bà nào biết dùng trọn quyền mình. Mới đây ở thành Nice, một tỉnh phía đông-nam nước Pháp, kể Địa-trung-hải, thấy có bà Laumay ra ứng-cử ở Phòng Thương-mại thành ấy.

Bà Laumay, chết chồng trong cơn Đại-chiến, hiện là nghiệp-chủ một cái khách-sạn ở Nice, bà có làm Phó-hội-trưởng của Liên-đoàn nghiệp-chủ ở thành ấy và hội-viên của các Liên-đoàn chức-nghiep khác nữa. Lấy tư-cách ấy mà bà ra ứng-cử Nghị-viên Phòng Thương-mại.

Trước đây hai năm, gặp mùa tuyển-cử bà đã được liệt tên vào

sở cử-tri; đến ngày bỏ thăm, những cử-tri đàn-ông ai nấy đều lấy làm lạ mà thấy một người



BÀ LAUMAY

đàn-bà — là bà Laumay — cũng được bỏ thăm như mình.

Năm vừa rồi, Phòng Thương-mại ở Nice đến kỳ tuyển-cử lại, cử-tri bỏ thăm vào ngày 13 De-

cembre 1931, bà Laumay bên đàn-dĩ ra ứng-cử, một mình bà đứng một số, mà coi ý được lòng cử-tri rất nhiều.

Theo một tờ báo Tây nói thì sự ra ứng-cử của bà Laumay cốt là trọng về nguyên-tắc (*sa candidature était surtout une candidature de principe*), làm vậy để cho hết thảy cử-tri chú-ý về cái quyền tuyển-cử của đàn-bà, và cũng để cho đàn-bà nhìn biết cái quyền ấy của mình đã nhờ đạo luật nói trên kia mà được rồi nữa.

Đến ngày bỏ thăm, bà Laumay được hết thảy là 532 lá thăm, mà hết 185 lá là của cử-tri ở thành Nice. Người ta kể cho sự này là một cái kết-quả tốt của phụ-nữ Pháp, bởi vì bà Laumay ra ứng-cử đã muộn, và bao nhiêu lá thăm bà được đó hầu hết là của đàn-bà mà thôi.

Đọc cái tin này, chúng ta phải khen bà Laumay là đàn-dĩ, dám đi trước chị em; nhưng cũng bởi đây, thấy cuộc vận-dộng nữ-quyền ở trong nước Pháp đương còn non-nớt lắm, còn như là một sự mới-mẻ quá và ngờ-ngốt cho xã-hội, chớ không như ở nước Anh và nước Huê-kỳ.

Phụ-nữ Pháp sẽ được quyền tuyển-cử?

Mới hay tin rằng Hạ-nghị-viện Pháp đã bỏ thăm công nhận cho hết thảy đàn-bà Pháp được quyền tuyển-cử và ứng-cử cũng như đàn-ông vậy, song chị em vẫn chưa được trọn mừng, bởi vì cái bản dự-thảo yêu cầu quyền tuyển-cử ấy háy còn phải đệ trình lên Thượng-nghị-viện xét lại, nếu Thượng-nghị-viện mà ưng-chuẩn nữa thì mới được.

Tuy vậy, hay cái tin này chị em ta cũng mừng giùm cho phụ-nữ Pháp, đã đi được nửa chặng đường, và mong mỗi lần này bản dự-thảo ấy đưa lên Thượng-nghị-viện sẽ có kết-quả tốt.

Ý KIẾN ĐỘC GIẢ

I.—Chị em ra đường chớ nên e lệ

Cái tánh nhút-nhát, e-lệ của phụ-nữ ta thuở nay là thường, nhất là trong khi đi ra đường, nếu đi có cha mẹ, chồng con, thôi chẳng nói làm chi, chớ đi một mình mà quen giữ cái tánh ấy, thật là bất-tiện nhiều bề lắm.

Ở vào thời-đại này, phụ-nữ đi ra đường một mình là sự thường. Vậy muốn cho cuộc lữ-hành của mình được hoàn-hảo, khỏi xảy ra điều chi, thì ta nên bỏ cái tánh e-lệ ấy đi mới dặng.

Tôi là người vừa mới chịu thiệt-hại một ít bởi sự e-lệ ấy nên viết ra đây để tỏ lòng ăn-năn chừa đời, cũng như đó dám khuyên chị em ban gái chúng ta.

Ngày 7 Janvier 1932 mới đây, tôi có việc đi từ Sóc-trăng đến Mỹ-tho. Và chúng tôi thuở nay đi đâu không hay đi một mình mà cũng không hề đi đường tàu thủy lần nào. Lần này ở Mỹ-tho về, vì có đem theo đồ-dạc nhiều quá, người ta ở đó mới bàn với tôi nên đi tàu cho tiện; đi tàu thì nên đón chiếc « Đồng-sanh » chạy Saigon-Bà-liêu, rồi khi ghé Sóc-trăng thì bước lên.

Ở bến tàu Mytho chẳng là có nhiều tàu đậu, lúc xe-kéo của tôi vừa kéo đồ-dạc tới bến, thấy một chiếc tàu đậu đó mà người ta trong tàu đông quá, phần nhiều là đàn-ông. Tôi nữa vì sợ-đinh không biết mở miệng hỏi ai, nữa vì sợ-đinh mà mất đồ-dạc, nên cứ việc cầm-cui dọn cả xuống tàu, rồi tôi cũng xuống đi một thể. Khi bấy giờ tôi yên trí là tàu « Đồng-sanh » chạy Saigon-Bà-liêu đó.

Tàu mở đời chạy ra đến vàm Kỳ-hôn, có tàu lại bán giấy, khi ấy tôi mới biết tàu này không phải « Đồng-sanh » mà là « Vinh-thuận », chạy Myt-o-Camau, tôi bối-rối trong lòng lạ thường, tưởng ai có gặp qua cảnh ấy thì đã biết.

Trong lúc tôi đang bối-rối đó, có ba bốn thầy xem ra cũng là hạng học-thức; người thì biểu tôi nên mua giấy đi Phung-hiệp, đón xe về Sóc-trăng, người thì biểu mua giấy đi Ngã-năm, rồi cũng có cách về Sóc-trăng được. Tôi không rõ mấy thầy có lòng tốt mà chỉ giùm cho tôi hay là thấy tôi đang bối-rối mà pha lảng chơi, có đều họ nói xàm-xi

gi đó với nhau, và cách cử-chỉ của họ ngo không được đoan-chánh, thì tôi hơi sanh ý nghi ngờ.

Bấy giờ tôi mới ăn-năn sự e-lệ của tôi. Vì sự e-lệ không dám hỏi cho tới nơi tới chốn mà phải lộn tầu; lại còn cũng vì sự e-lệ ấy tỏ ra nơi mặt, làm cho mấy anh đàn-ông họ đập bóng-via của mình để làm trò-cười chơi, như vậy có dễ tức không? Biết nghĩ như vậy rồi, tôi bèn cố sức nòng-trang nghị-lực lên để đối phó với hoàn-cảnh.

May sao trong đám hành-khách có một thầy, cử-cử có vẻ nghiêm nghị, lại nói cùng tôi rằng: « Nếu có nghe lời họ mà đi Phung-hiệp hay Ngã-năm thì rất bất-tiện cho cô. Vì tầu Vinh-thuận này chạy đến Phung-hiệp lối 2 giờ khuya, giờ ấy không có xe, mà ở đó cũng không có khách-sạn nữa thì cô sẽ phải ngồi tại cầu tàu cho tới sáng. Còn về Ngã-năm thì ở đó ba bốn ngày mới có một chuyến xe chạy Sóc-trăng, rồi cô sẽ định-trú nơi đâu? Chi bằng hãy ghé Trà-ôn, tại đó, đón tầu Đồng-sanh đi về Sóc-trăng là tiện.

Tôi nghe thầy nói hữu-lý, bèn mua giấy đi Trà-ôn, tuy vậy chớ trong lòng cũng kuông khởi còn hồi hộp. Nhưng may, sau khi ghé Trà-ôn chừng một giờ thì có tầu Đồng-sanh tới, tôi bèn mua giấy rồi đem đồ-dạc xuống mà đi Sóc-trăng. Lần này thôi không sợ làm nữa!

Gặp việc này thật là một bài học hay cho tôi, tôi kể đầu đuôi ra đây, cũng là có ích cho chị em nữa. Rày về sau, chúng ta ra đường phải chớ có dủ nghị-lực mà đối phó với hoàn-cảnh, như-thiệt chừa bỏ cái thói e-lệ nhút-nhát đi, kéo không thì rủi gặp đời anh đàn-ông ác-dức họ thấy họ khinh, rồi có khi thừa dịp họ dặt mình vào đường quấy nữa. Lời tục có nói: « Coi mặt dặt lên, » tại mình phôi cái dáng e-lệ rút-rẻ ra, họ thấy có thể khinh được, nên họ mới dám khinh vậy.

C. T.
(Sóc-trăng)

II.—Hùn nhau mua báo thì tiện hơn

Vẫn biết anh em, chị em cũng đủ sức một mình mua báo trọn năm vậy. Nhưng cái một mình thật có mất thú sau khi đọc báo biết bao! Quả vậy, phần nhiều người mua báo một mình, khi được báo đọc

qua vài lượt rồi xấp lại bỏ vào két tủ (mắt thú là tại chỗ này). Cách vài hôm sau đã thấy tinh-thần, tư-tưởng và nghị-lực đối với đương khi mới đọc, nó cũng từ từ theo tập báo mà nắm em một chỗ. Đó, bởi cái một mình, nên không ai nung-nấu tinh-thần, tư-tưởng và nghị-lực thêm lên, mà thành ra cái quan-niệm đối với những ý-kiến hay, câu chuyện cần ích trong tờ báo, đều lãnh đạm cả.

Cái mục-dịch của anh em, chị em chúng ta ngày nay, là cái mục-dịch muốn cho chóng đến con đường văn-minh tiến-hóa, mà trông cậy vào tờ báo làm hướng-đạo cho. Vậy chúng ta cần phải có tinh-thần cho phấn-chấn, tư-tưởng cho đổi-đào, nghị-lực cho hăm-hở, mà gắng bó theo thầy hướng-đạo cho gặt mới được. Chớ đã trông cậy vào thầy hướng-đạo, mà lại đối với tờ báo rất là hững hờ, thời đầu cho ông thầy hướng-đạo có tài-ba đặc-biệt, cũng khó lòng mà điều-độ; vậy thời con đường của chúng ta muốn đó, bao giờ đến?

Nếu muốn tinh-thần, tư-tưởng và nghị-lực cho thường ngày hoạt-động, thời chỉ hơn là mua báo, rủ nhau nắm, ba người hùn lại mà mua. Khi được báo: người này xem rồi trao lại cho người kia; người kia xem rồi trao lại cho người nọ,

nghĩa là trao lẫn nhau mà xem, xem xong, rồi thừa thì-giờ rảnh, cùng nhau hiệp lại; người thì tán-thành cái vấn-đề này, người lại thiết-hành cái ý-kiến kia; luận luận, bàn bàn mà trao đổi ý-kiến cho nhau; hoặc gia - giảm, hoặc châm - chọc, cho thích-hợp với cách hành-vi. (Thú là tại chỗ này; thú hơn rủ nhau đánh từ-sắc nhiều!)

Thế thì, tinh-thần như có người nung-nấu lên, tư-tưởng như có người khơi-khêu thêm, nghị-lực như có người đốc-sức vào, mà khoăn-khoái theo thầy hướng-đạo rất mau chóng thời con đường văn-minh tiến-hóa tuy điều-viễn, chớ chúng ta có thể cùng thầy hướng-đạo hẹn ngày mà đến được, càng thú biết chừng nào!

HOANG-PHU
(Kiêng-phước)

LANH DẠY HỌC TRÒ CON GÁI

Mme Phan-vân-Gia née Nguyễn-thanh-Long
Cấp-bằng Cao-đẳng tối-nghiệp (Brevet Supérieur)
Do số nhà 54 đường Aviateur Garros



Mẹ ăn đồ bỏ chừng nào,
Con nít nhỏ được mạnh chừng này.

CÙNG CÁC BÀ LÀM MẸ

Muốn cho con nít nhỏ có máu tốt thì cho nó bú sữa tốt, mà muốn cho sữa tốt thì chỉ có một cách là người mẹ phải ăn đồ bỏ. Không cần phải ăn cho nhiều, mà cần phải ăn thứ đồ bỏ. Phải nên lựa kỹ vì có nhiều món

ăn ngon, song rất khó tiêu. Đồ ăn bỏ dưỡng nhứt, có thể ăn trong mỗi bữa thì chỉ có Phoscao. Ăn Phoscao người mẹ được khoẻ mạnh, có khoẻ mạnh thì mới có sữa tốt mà nuôi con cho mau lớn. Phoscao là thứ đồ ăn tốt nhứt.

Phoscao

ĐIỀU HÒA SỰ TIÊU-HÓA KHÔNG GI BĂNG

Đồ ăn ngon hạng nhứt Xin échantillon hăng gửi: Đồ bỏ dưỡng tốt hạng nhứt,

Auh em thợ thuyền ở Bordeaux giúp đồng bào Nghệ-Tĩnh

Các bạn đọc-giả chắc đã biết mấy năm gần đây, anh em lao-động Việt-nam qua Tây làm công ở các xưởng máy và tàu biển rất nhiều, như là ở các thương-khâu như Marseille-Bordeaux, thì anh em làm tàu lại càng đông lắm.

Mới rồi Bồn-báo có tiếp được thư của anh em thợ thuyền ở Bordeaux gửi về, kể cái tình cảnh của anh em làm tàu trong hồi này, thật là chua cay, đáng thương hại.

Cái nạn kinh-tế khủng-hoàng mà xứ ta đang trải qua đây, chẳng riêng chỉ một xứ mình, mà ở các nước Âu Mỹ, lại càng dữ-khổ gấp trăm lần mình nữa. Gần một năm nay, ở Mỹ ở Pháp, số người thất-nghiệp mỗi ngày một tăng lên thấy mà ngộp, đồng-bào ta qua bên ấy, kiếm được một việc làm, thật rất là khó-khăn, bởi vậy có lắm người kiếm không được chỗ làm phải vất vả đòi khát, rất là tội nghiệp.

Thừa trong nhà, mới ra ngoài đường, thế tình ở đâu cũng vậy. Từ hồi đầu năm tới giờ, chánh-phủ Pháp dòm thấy số dân trong nước bị thất nghiệp nghèo đói nhiều quá, muốn kiếm công việc cho họ làm, bởi vậy mới ra lệnh cho các xưởng máy, các hãng tàu, phải sa-thải những người làm công ngoại-quốc đi, để trống chỗ cho dân lao-động Pháp vào làm đặng họ nuôi miệng họ và gia-đình họ.

Chánh-phủ Pháp tình như vậy cũng phải lắm, vì nó đúng với câu « thừa trong nhà mới ra ngoài đường », song ác-nghiệt thay, anh em lao-động Việt-nam ta lại thuộc về hạng công-nhân ngoại-quốc, rồi vì cái nghị-định của chánh-phủ đó, mà hóa ra người thất nghiệp không biết bao nhiêu, thật là đáng thương hại.

Chớ chỉ chánh-phủ Pháp cứ thi hành nghị-định ấy, nhưng chừa anh em Việt-nam ra, bởi vì họ cũng là tôi con nước Pháp (sujets français) thì

đỡ cho con nhà lao-động Việt-nam biết là đường nào. Hướng chỉ những người đi ra làm ăn ấy, thuế ở nhà họ vẫn phải nộp, vậy thì sự đỡ cho họ khỏi thất nghiệp tưởng cũng là sự đỡ cho số Dư-toàn Đông-pháp vậy.

Tuy vậy, tuy cái tình cảnh của anh em ở bên Pháp hiện nay nó nguy-ngập là thế ấy, nhưng khi hay tin đồng-bào hai tỉnh Nghệ-Tĩnh gặp nan bảo lụt, anh em cũng không thể làm ngơ cho đành. Trong thư gửi cho Bồn-báo kể cái tình cảnh của anh em, anh em thợ thuyền ở Bordeaux lại có ghim theo một cái mandal 435 quan, nói là tiền của ban làm tàu ở Bordeaux chung đầu kể 11 người nhiều, gửi về cậy Bồn-báo gửi ra Nghệ-Tĩnh để cứu giúp đồng-bào bị nạn ngoài ấy.

Số tiền 435 quan thật là nhỏ mọn, song nó quý báu vô cùng, bởi vì đó là bao nhiêu giọt mồ hôi nước mắt của anh em lưu lạc hải ngoại, góp lại gửi về giúp cho đồng-bào của mình trong cơn đói lạnh vậy.

Than ôi! Cửa ít lòng nhiều, trong lúc nguy anh em còn lo cho người khổ, vậy ai là người ở trong cảnh yên vui, ăn sung mặc sướng, xuống ngựa lên xe, đối với tình cảnh của anh em há có thể làm ngơ cho đành?

P. N. T. V.



— Minh đi đâu về coi bộ mệt dữ vậy?
— Thì mình dẫn tôi mần giờ làm việc về dờn thăm thằng cháu coi nó bớt chưa.
— Nói vậy mình đi Tân-hương về đây sao; về, mình cởi áo ra rồi lại đây ngồi nghỉ, nghe bộ đĩa Béka mới, tôi mua hồi chiều đây, hay quá hề mình.
— ... Chà hay thiệt hà, thiệt là đương mệt mà nghe nó cũng khoẻ được a.
— Sáu a, đưa chai rượu đây, mầy lấy giẻ lau bụi cái xe thầy mầy chát.

TRẦN-DUY-BÌNH
LÀM TRƯỞNG LIÊN KIỆU KIM THỜI
KHÁC CON-ĐẦU ĐỒNG VÀ BÀN ĐÁ CẨM-THẠCH
CHẾ TẠO CÁC THỨ NÓN BĂNG CAO-SLÔ
Bán sỉ và bán lẻ 0000 CÓ CATALOGUE.

VỀ VỤ VIỆC THƠ XƯA
Trả lời cho Mai-Kim
trong số 118

Tôi có được xem qui báo số 118 ra ngày 28 Janvier 1932, thấy Mai-Kim cho bài thi của tôi đi chơi chùa Thánh-Duyên (聖緣) là thi cổ, nên tôi xin trả lời ra đây, nhờ qui báo đăng giùm cho.

Nguyên năm 1898 triều vua Thành-Thái, tôi đi chơi chùa Thánh-Duyên ở Huế, có làm một bài thi, nguyên văn như vậy :

Dưới nước trên non giữa cảnh chùa,
Thánh-Duyên lên đặt tám triều vua. (1)
Nghe kinh vượn hú xuân ba tháng,
Hương mát huê thơm gió bốn mùa.
Cửa Phật từ bi mùi (2) mười mận,
Cối trầu ngạo ngán nổi chanh chua.
Lên chơi gọi chút lòng cầu nguyện, (3)
Xin học để thi bầy bước thua. (4)

Khi tôi làm rồi, thì có một ông sư cụ chép lại xem chơi, chẳng biết nay ngài còn hay đã tịch rồi. Và tôi cũng có đem trình cho ông giáo học chữ nho trường Quốc-học là ông Đào-từ-Hưng (người Hanói) xem, ngài cũng cho bài thi ấy được, và ngài có nói : bài thi ấy vẫn dễ không khó, mà ít ai họa hay được. Lúc bấy giờ anh em bạn đồng-song của tôi, ai cũng chép mà truyền tụng.

Năm 1907 và 1908 tôi giúp bút cho báo Nông-cổ Mìn-dân và Lục-linh Tân-văn, (bởi ấy ông Trần-nhật-Quang làm chủ-nhiệm), tôi có đăng bài thi ấy vào báo Nông-cổ. Nhưng tôi lại chơi các cờ, ở dưới lạc-khoãn tôi để tên người chị gái tôi là : P. V. A., lại có thêm một bài tiêu dẫn ở phía trên. Tờ báo ấy bây giờ không còn, và tôi cũng quên mất số hiệu. Nếu ai có còn tờ báo ấy mà coi thì mới rõ.

Sau ông bạn cũ của tôi là ông Lê-Sum vào làm chủ-bút báo Công-Luận, (bởi ấy ông Nguyễn-kim-Đình làm chủ-nhiệm), thì tôi cũng có giúp bút cho tờ báo ấy. Ông Lê-Sum sưu tập một cuốn « Việt-âm Văn-uyển », ông nhớ thất thổ bài thi của tôi, ông đem vở và ông có sửa lại ít chữ nơi câu thứ 7 và thứ 8.

Lên am gọi chút lòng thành nguyện,
Đám sánh để thi bầy bước đua.

Chứng lời hay được, tôi có viết thơ riêng cho ông mà chắt chính. Ông liền phúc thơ cho tôi mà

xin miễn nghị, (vào khoảng năm 1919 hay 1920 chi đó, vì lâu ngày tôi quên), lời nghĩ ông với tôi là ban viết báo, không lẽ vì một bài thi mà xin đăng cải-chính cho tên danh dự ông, nên tôi thôi. Nay Mai-Kim không rõ mà có cho tôi lấy thi cổ trong tập « Việt-âm Văn-uyển » đi nữa, thì tự ý. Miễn xin cho vong linh bạn tôi là ông Lê-Sum ở dưới suối vàng biết cho bài thi ấy là thi của tôi làm mà ông lấy, và tôi tự biết lấy tôi không phải là người dốt thi mà đi ăn cắp thi cổ, thì đã rồi. Còn người đời không biết, ai muốn nói chi thì nói, tôi không lấy làm giới ý.

Lại còn đây nữa, chừng bài thi « sông Cửu-long-giang » của tôi đăng lên qui báo thì chắc lại có người chỉ trích tôi lấy ở trong cuốn « Vinh-long Nhơn-vật-chí » mà đem ra. Chớ kỳ thiết họ có biết đầu bài thi ấy chính là của tôi làm, mà tác-giả cuốn « Vinh-long Nhơn-vật-chí » lấy, không nói cho tôi biết, cũng như bài thi đi chơi chùa Thánh-Duyên của tôi làm mà ông Lê-Sum lấy, lại ngộ nhận là cổ thi vậy.

THƯỢNG-TÀN-THỊ (V. L.)

(1) Chùa Thánh-Duyên đặt ra đã tám triều vua, là kể từ triều đức Thành-Thái tở lên. Không lẽ mới triều vua Thành-Thi i năm 1898 trở lại đây mà đã xưa được. Nếu có xưa, thì cũng phải từ đời vua Tự-Đức, vua Thiệu-Trị và vua Minh-Mạng trở lên mới xưa được chớ. Người xưa vào khoảng ba đời vua trên đây làm bài thi ấy, thì sao lại để chữ « tám triều vua » được ? Một câu này thì cũng đủ chứng không phải là cổ thi.

(2) Tập thi-thảo của tôi cũng « lét chữ « mùi ». Mấy đũa nhỏ tôi không biết, nó tưởng « mùi » cũng như chữ « màu », vì tiếng Trung, Bắc « màu » kêu là « mùi », nên nó chép lộn.

(3) Chùa Thánh-Duyên là một chùa sắc tứ, nguy nga tối đẹp, không thể gọi là « Am » được ; nếu người xưa nao đặt chữ « am » tại chưa đúng.

(4) Câu thứ tám của tôi có hai ý : đã một ý tự khiêm, mà lại một ý bóng tự hào, vì khi tôi nghĩ bài thi này mau lắm.

XÃ-GIAO

Bản-báo hay tin bà Trần-phước-Long tức là Nguyễn-thị-Phương, nghiệp chủ ở Cầu-ngang (Trà-vinh) đã từ trần hôm 11 Février 1932 này.

Thật là một tin rất buồn thắm cho ông Trần và Bản-báo vì bà Trần-phước-Long là chị bạn đi của Bản báo chủ-nhiệm.

Bản-báo đồng như xin phân ưu cùng ông Trần và qui quyến và cầu nguyện cho linh-hồn bà Trần được tiêu-diêu nơi miền cực lạc.

P N T V.



Tin tức
trong
làng báo

TAM-KỶ TẬP-CHÍ ĐÌNH BẢN

Tam-kỷ Tập-chí ở Hanói đã đình-bản từ cuối năm ngoái. Cứ theo lời ông Dương-tư-Quán chủ-nhiệm Tam-kỷ Tập-chí đã tuyên-bố, thì sự đình-bản này là cốt để sắp đặt công việc trong tòa báo cho hoàn toàn hơn trước, rồi lại sẽ trở ra làm bạn với quốc-dân.

ANNAM TẬP-CHÍ TÁI BẢN

Annam Tập-chí của nhà thi-si Nguyễn-khắc-Hiếu, nguyên xuất-bản ở Hanói, đã nghỉ đi, sau đem về Nam-định, tục-bản được mấy số, kể im hơi vắng tiếng bấy lâu, nay đem trở về Hanói, và ra được hai số rồi. Lần này hiệp lực cùng ông Tân-Đà, có ông Ngô-thúc-Địch, cựu chủ-bút Phụ-nữ Thời-đàm (Hanói) là một bực thanh-niên, kiêm cả Tây-học và Hán-học.

Annam Tập-chí ra đời lần này có vẻ xuất sắc hơn trước, và chắc cũng bền vững lâu dài.

BẢO-AN ĐÃ RA ĐỜI

Ngày 2 Février 1932 bạn đồng-nghiệp Bảo-an đã ra số đầu, do ông Nguyễn-hữu-Đắc làm chủ-nhiệm,

Vì sao ông Cao-Hoài-Tung được
trắng án ?
Thế nào mới chánh là người
buôn-bán ?
Kỳ tới ông Trọng-sư Trịnh-đình-
Thảo sẽ giải bày rõ-ràng cho độc-
giả rõ.

Chứng cứ rõ ràng

Những món hàng mà có đăng lời rao trong Phụ-nữ Tân-văn thì được thiên-hạ hoan-nghinh hơn hết, như : sữa Nestlé, thuốc Job, bột Phoscao v.v.v. Các nhà thương-mãi nên chủ ý điều đó.

ông Nguyễn-thế-Phương làm chủ-bút.

Báo in bốn trương giấy thường, như các báo hằng ngày, song cứ theo lời tuyên bố của Tòa-soạn, thì từ số 2 trở đi, mỗi tuần sẽ in thành tập, như các tạp-chí.

Đọc bài vở trong Bảo-an số 1, thấy bàn về đao-đức nhiều hơn hết.

CÔNG-LUẬN-BÁO

Ngày 25 Janvier 1932, trong lúc ai nấy đang bận rộn về sự ăn Tết, thỉnh linh có một tiếng sét nổ ở trong làng báo chúng tôi, làm cho anh em cảm lứt thây đều ngạc-nắc ! Cái tiếng sét ấy là cái tin Tòa-soạn Công-luận-báo do ông Nguyễn-văn-Bá làm đầu, đã đổ.

Theo lời người ta, Tòa-soạn C.L.B. mà đến phải đổ đi, là tại ông Nguyễn không giữ nổi vận-mạng của tờ báo mà ông làm chủ-nhiệm, để số độc-giả hao mòn lần lần, đến ngày 25 Janvier nó chỉ còn có 2.300 mà thôi.

Thay cho Tòa-soạn cũ, tức thì có Tòa-soạn mới do các ông : Vô-khắc-Thiệu, Vô-Oanh, Ung-Hòa, vào thế cho mấy ông Nguyễn-văn-Bá, Nguyễn-đức-Nhuận (Bút-trà), Hoàng-lân-Dân và Nguyễn-Thương từ bữa 25 Janvier đến giờ.

Trao qua tay mới, hôm nay bạn đồng-nghiệp chúng tôi cũng chưa thấy có vẻ gì xuất sắc, nhưng ấy có lẽ là tại bàn về Tết nhứt, hoặc - nói theo dân bà chúng tôi - dầu mới về nhà chồng, trăm cái trăm lạ, hãy chặm đợi ít ngày rồi sẽ biết sự làm việc của Tòa-soạn mới.



Cá biển

POISSONNERIES SAIGONNAISES

11, Boulevard Charner - SAIGON

Chọn lựa cá thiệt ngon, hào, sò, ốc.
Giá thiệt rẻ.

Có người Annam đứng bán tiếp rước từ-từ.
Giấy thép nói số 11. 36

HÃY HÚT THUỐC JOB

GIA-CHÁNH

NEM TÔM

Tôm tươi lột vỏ bỏ đầu bỏ đuôi, rút chỉ chà muối cho thiệt sạch, xả nước lạnh cho nhảm con tôm, lấy vải thưa vắt ráo nước, thả vào ngâm nước dứa xiêm, được chừng nửa giờ vớt ra, lấy vải vắt từ con cho thiệt ráo nước, xong rồi xé ra từ số nhỏ nhỏ, ướp một chút hàng the, 1 chút muối bột, đâm vài tép tỏi, 1 mỡ riềng xắt mỏng rồi đâm chung với tỏi cho thiệt nát, vắt lấy nước trộn vào tôm, nghe mùi thơm, và liệu để muối cho vừa, vắt từ viên, lấy lá riềng bao trong ngoài bao lá chuối, cột giây chắc rồi lấy cây ghim xam sơ giáp vòng chiếc nem.

Để lối 2 bữa thì dùng được.

CHẢ CHIÊN

Tôm tươi lột vỏ, rút chỉ rửa cho sạch, vắt thiệt ráo nước, đập cho nhuyễn, ướp hành tiêu nước mắm, và 1 trứng trắng trứng vịt trộn cho đều, hắc chảo để mở sôi, vich 1 cục tôm để vô, lấy cái sàng, chài ra mỏng và tròn, chiên cho vàng là được. Dọn ăn với rau sống, bánh trắng nhúng nước, nước mắm tỏi ớt.

THỊT GÀ XẢO THƠM

Thịt gà dò chặt ra từ miếng vừa ăn, xắt một mỡ cũ hành tây, và thơm cũng xắt nhỏ từ miếng trong tay cái. Bắc chảo để mở sôi, để tép tỏi vô cho thơm, chừng tỏi vàng vớt cái xác bỏ, cho cũ hành vô rồi để thịt và thơm vô xào, để chút nước mắm, chế nước lạnh cho ngập thịt gà,

lấy nắp đậy um lại, để lửa riu riu cho thịt gà mềm. Làm một chút nước sauce, giấm chua, tỏi yêu, bột mì; quậy chung nhau, coi chừng gà mềm và nước vừa cạn, thì chế nước sauce vào, để sôi trộn đều là được.

SOUPE LÉGUME

Cây boireau - carotte, khoai tây - đậu haricot vert - macaroni - bí rợ, mỗi thứ gọt vỏ xắt vuông nhỏ trong ngón tay út, còn macaroni, luộc chín rồi chần khúc cũng bằng mấy thứ kia. Bắc soon lên để vài muỗng beurre cho sôi, cũ hành tây xắt thiệt mỏng, để vô cho thơm. Các món để chung vô xào sơ một chút rồi chế nước vào, riu lửa, coi hơi bọt, chừng nào các món thiệt mềm vừa cái vừa nước là



được. Như có lạt thì nêm muối cho vừa ăn.

BÁNH PHỒNG KHOAI-MÌ

Khoai mì sống, chần ra từ khúc, lột vỏ rửa sạch. Sắp vô xửng hấp cho thiệt chín, nhắc xuống, gỡ lấy bột, lựa cho kỹ, coi chừng khoai sượng và xơ thì bỏ ra, lấy miếng khoai thiệt có bột, một người gỡ khoai, thì một người quết, gỡ miếng nào bỏ vô quết miếng nấy.

Làm gấp cho khoai còn nóng thì càng tốt. Đường cát trắng chế vô chút xíu nước thắng cho sôi để nguội - dứa khô nạo, vắt lấy nước cốt. Các món phải làm trước để sẵn, chừng khoai nhuyễn chế đường và nước cốt dứa vô, rồi quết nữa, thừng thắng chế, coi chừng nếm vừa ngọt vừa béo, và cái trứng vừa cần được, thì múc ra. Lấy một cục sáp để vào chén, chế vô một chút dầu dừa đem nấu sôi, để vừa nguội thì chấm dầu ấy mà thoa lá chuối và ống cán cho khỏi dính. Bắc một cục bột để vô lá cán ra cho thiệt mỏng coi cho đều với nhau, đừng cho chỗ nào dày chỗ nào mỏng, thì sau nó khô mới đều. Chừng cán đều rồi, lấy dao vanh sơ cho tròn, còn bột dư thì gỡ ra. Lựa chỗ nào có nắng, trải chiếu sẵn, hễ cán rồi thì đem úp bánh xuống mặt chiếu, lấy tay vuốt sát, gỡ lấy miếng là ra. Phơi được nữa nắng coi bề đó khô, thì gỡ nhẹ nhẹ tay mà trở qua bề khác, phơi hoài chừng nào coi miếng bánh thiệt dẻo ráo khô là được. Mme B.V.C.

VĂN-UYỄN

Cưới gả đời nay

Rề cũng tiền, dầu cũng tiền,
Đời này lấy đó dựng nhân duyên.
Ruộng vườn chắt chừa là đầu thảo,
Xe ngựa xôn xao ấy rõ hiền.
Tức gái thanh-tao, chồng cậu «bột»,
Giận trai xò-lá, vợ nàng tiên.
Vườn cãm, xe bán, duyên tan rã,
Nghĩ lủ ngu si háit chán phiền!

Gởi cho cô gái ở chùa

Nghe nói rằng cô đã lánh trần,
Chịu bề khổ-hạnh giúp thanh-xuân.
Nhành đượm vì muốn lau son phấn,
Cờ bụt đứng cho vướng nợ nần.
Điện trước để chừng sư rỗi dạ,
Liều sau giữa lúc đạo men chân.
Biển tình liệu thế chưa ra khỏi,
Hãy ghé thuyền sang bến giác-tâm.

CAO-SƠN

Cảnh gần trời

Đỏ lỏe qua lưả núp sườn non,
Tò rõ trời tây núi mấy hòn.
Chim bực lao-nhao bầy kiếm ỡ,
Gà nhà lục-cục tiếng kêu con.
Đồng hoang mục từ rơi đùa nghé,
Núi rậm tiêu phu xóc trở đòn.
Thấy cảnh hôn thơ xui cãm cảnh,
Hoàng-hôn như giục dạ chon von.

ĐOÀN-LỮ

Ngồi buồn

Vì cơ sao mà dạ chẳng khuây,
Khư khư buộ mãi mối sầu đây?
Dưới đèn ngơ-ngẩn thân chìm nổi,
Trên án mơ-màng chuyện dở hay.
Sự thế ngàn chò đầu với bề;
Cuộc đời trông mắt gió cùng mây.
Ôm đờn tịch tịch chò khuây khỏa,
Nhưng cũng sao mà khó đổi thay.

Madame HOÀNG-ANH

Tự miên

Ba chục thu ngoài với nước non,
Xông pha vinh nhục gót chơn môn.
Ngoài vòng hoan hải lời bao biếm,
Giữa chốn thương trường tiếng đại khôn.

Sản chí bỏ bởi nền thiệt-nghiep,
Bền gan đeo đuổi kẻ sanh tồn.
Đường đời sá quản gai cũng gốc,
Thành bại bao phen cũng chẳng chôn.
N. X. LONG (Vinh)

Đặt khách đêm đông

Bấy lâu đặt khách chán chề rồi,
Mưa gió đêm đông khéo gheo người.
Đứng-dính lưng trời mây tán tụ,
Mình-mông mặt đất nước dầy vơi.
Nước non sao tở xông-pha mãi?
Danh lợi kia ai lặn-lội hoài?
Eo-óc canh gà, trời chưa sáng,
Tình này cảnh ấy, thấu chàng ai?

Giới cho bạn ở Bắc

Bắc Nam chia rẽ bấy nhiều năm,
Vắng bạn đồng tâm héo ruột tâm.
Lữ-thứ đau lòng cơn để khóc,
Tha-hương nhỏ lụy tiếng quỳên cãm.

THƯỜNG-SƠN

Quên Tết

Mới vừa gặp Tết bữa nào đây,
Sao lại âm âm đã tới ngày!
Liền viết chưa hề phai nét mực;
Rượu mời như vẫn thoảng mùi cay.
Bức tranh sơn thủy còn tươi mặt,
Bộ áo sa-tanh chưa nhỡm tay.
Tạo hóa xoay vần đà lẹ thế,
Hèn chi mà tớ chẳng không hay.



Tết gặp kinh-tế khủng-hoàng

Năm nay Tết nhất vắng teo teo,
Thiên hạ ai ai cũng nói nghèo.
Chợ búa bán mua xem lạnh ngắt,
Phố phường qua lại thấy buồn thiu.
Ba cô hàng mứt ngồi ngơ ngác,
Mấy chị buồn bông để mốc meo.
Chén rượu mừng xuân chưa kịp

nguội,
Nhưng người đời nợ đã đi theo!
SÂM-CƯƠNG

Trông xuân

Xuân bấy lâu nay ở chốn nào,
Luống công chờ đợi biết là bao.
Yến oanh ngoài cửa chừng mong mòi,
Đào lý trên cành những khát khao.
Người vẫn e giẻ cơn gió lạnh,
Đất đương nhắc nhở trận mưa dào.
Thiếu quang giờ đã soi dóm tối,
Đám ăm từ rày để chịu sao.

AI-CHAU

Xuân cãm

Gió xuân lay động tấm xuân tình,
Giận cái xuân xanh nó phụ mình.
Đầu cái xuân xanh ai muốn về,
Khó đem ngòi bút vẽ cho in.

T. H.

Lo Tết

Lật-bật kể đến Tết,
Đầy nhà đồ chà chệt.
Vui gì đâu không thấy?
Chạy lo một hồng chệt!

V. H.

Câu đối Tết

Tối ba mươi, trời đen tỵ-mực, kéo
ngọn đèn lên, sáng lừng vô-trụ!
Khuya mồng một, đất lạnh như tờ,
nung giầy pháo nổ, rung-động nhân
dân.

TRỌNG-NAM

TIN TỨC TRONG NƯỚC

◎ Một người dân lao động chết vì nạn sự một cách thảm thiết.

Đêm 18 Janvier, xe lửa Saigon có cán một người cu-li coi móc máy thớt xe lửa dính nhau, tan xương nát thịt, ai trông thấy đau lòng.

Người vô phước này tên Thái-Trung, 21 tuổi, ở làng Tư-phủ, (Quảng-nam) còn một mẹ già và một người vợ, chưa có con. Trung vào Saigon, làm công cho hãng xe lửa, lương mỗi tháng 18\$, đã đi dành được 149\$ cho anh em vay, song không biết ai đã vay tiền của Trung đó, vì lúc trong sương anh ta không có giấy tờ gì khác hơn là một miếng giấy liền mấy chữ: « Tiền cho anh em vay: 149\$ »

Người còn trẻ, biết lo làm ăn, lại biết cần kiệm như Trung, thế mà trời lại đoán mạng, Lũ mẹ già vợ dại bơ vơ, thật là tội nghiệp.

Ước mong hãng xe-lửa đối thương người làm việc, cứu giúp cho gia-quyền Trung ít nhiều để an ủi sự đau đớn kia, và ai là người vay tiền mà hời rước mắt của Trung, nên trả giùm số nợ ấy cho gia-quyền Trung, kẻo tội nghiệp.

◎ Người Pháp ở thuộc địa bị thất nghiệp sẽ được cứu giúp.

Hội Thực-dân (Association nationale des Colons) Liên Pháp mới đề đơn xin quan Tổng-trưởng Reynaud xuất ra hai triệu quan, để cứu giúp cho người Pháp ở các thuộc địa bị thất-nghệp.

Ông Reynaud hứa để xem xét và coi ngài cũng có ý an thành về việc ấy.

Còn về việc người Nam bị thất nghiệp, thì hiện nay có đến 1.700 là đơn xin cứu giúp, nhưng tiền hội Cựu-tế thất-nghệp thì đã gần hết rồi, chắc chính phủ cũng đang lo liệu cách nào để cứu giúp cho anh em nữa.

◎ Việc cải-cách ở Hội-dồng Quân-hạt Nam-kỳ.

Ngày 6 Janvier 1932, quan Tổng-thống Doumer có ký một đạo mạng-lệnh, cho số Hội-dồng Annam sẽ được tăng lên nhiều bằng số Hội-dồng Tây ở Hội-dồng Quân-hạt.

Theo mạng-lệnh ấy thì về sau số hội-dồng quân-hạt sẽ đổi lại như vậy:

Bên Annam: 10 Nghị-viên thiết-thọ và 5 Nghị-viên dự-khuyết.

Bên Tây: 10 Nghị-viên thiết-thọ và 5 Nghị-viên dự-khuyết.

Với lại: Phòng Thương-mại Nam-kỳ sẽ cử một Đại-biểu Tây và một Đại-biểu Nam; phòng Canh-nông Nam-kỳ cũng cử một Đại-biểu Tây và một Đại-biểu Nam.

Cứ 4 năm có một kỳ tuyển-cử, về Hội-dồng Quân-hạt, hay Thương-mại, Canh-nông cũng vậy. Khi nào mạng-lệnh này ban-hành ở Thuộc-địa, thì phòng Thương-mại và Canh-nông phải cử Đại-biểu liền để đi dự Hội-dồng Quân-hạt.

◎ Cuộc diễn-thuyết về sự nên hay không nên hạn-chế sự làm di.

Đêm thứ hai 18 Janvier, tại nhà hát tây Saigon, có cuộc diễn-thuyết về sự « nên hay không nên hạn-chế sự làm di » để thu tiền giúp cho hội trừ bệnh lao.

Vì việc nhà, đêm ấy trạng-sư Gallet là người bình cái thuyết « không nên hạn chế sự làm di » vắng mặt, chỉ có ông Neumann, chủ nhiệm báo Presse Indochinoise là người bình cái thuyết « nên hạn-chế sự làm di » đến diễn-dân mà thôi.

Công-chúng đến nghe diễn-thuyết cũng đông.

Ông Neumann diễn giải một hồi, kể ông giáo-sư Casati và ông Kulz cũng có lên nói mấy tiếng.

Tiếc vì đêm ấy không có ông Gallet để nghe lời ông phản đối ông Neumann coi ra sao.

◎ Hai người bị xử tử ở Nghệ an.

Hai người giết chết viên Tri-huyện Tôn-thất-Hoàn, là Nguyễn-Dần và Đặng-văn-Vương ký trước ở trong tỉnh Nghệ-an (Vinh) đã bị tòa Nam-an kết án tử hình, thì sáng bữa 28 Tết, đã bị chánh-pàáp tại làng Song-lộc là quê quán của hai người ấy.

◎ Nhà cho dân nghèo nghỉ đêm.

Nhờ lợi thỉnh cầu của một vị thương-gia là M. Louis Chère, mà thành-phố Hanoi mới lập ra một cái nhà nghỉ đêm (Asile de nuit) cho dân nghèo.

Thành-phố lấy cái nhà-chứa lúa gạo ở Quai Clémenceau, lâu nay bỏ trống, rồi sửa sang lại sạch sẽ để làm nhà nghỉ đêm cho bất kỳ là người nào không nhà cửa, ban đêm đều được vào đó mà nghỉ cả.

Nhà ấy lại có lò lửa hơi cho ấm áp nữa.

Ở Saigon, dân nghèo thường hay ngủ dựa lề đường thiệt nhiều, ai thấy cũng lấy làm đau lòng, ước mong Thành-phố noi gương Hanoi, lập ra nhà ấy, thì đám dân không nhà cửa ở đây lấy làm may mắn vô cùng.

◎ Một người Tây đi xét sổ công-nho làng bị bắt.

Ngày chúa-nhật 17 Janvier, anh tây R... ở Laitliou, đến nhà việc làng Bình-phước (Giadinh) bắt lương chức phải mở tủ sắt ra cho anh ta xét tiền bạc.

Hương-chức nghi anh này giả-mạo người nhà-nước, nên nói trở rằng để chạy kêu người thủ-quy, giữ chìa khóa tủ sắt lại, mới mở ra được. Anh tây tin là thật nên cũng ngồi chờ. Ai dè trong giây lát có lính mật thám đến bắt anh ta dẫn về Saigon, giam vào khám lớn.

◎ Dương-hạc-Đỉnh bị giải vào Saigon.

Dương-hạc-Đỉnh là một nhà cách-mạng rất lợi hại, đã bị Hội-dồng Đê-bình kêu án khổ sai chung thân rồi, song nay mai các phe chuyên trách lại sẽ gởi Dương-hạc-Đỉnh vào Saigon, để quan Bồi-thẩm tra xét và lấy khai những việc hành động của Đỉnh ở Nam-kỳ trong mấy năm trước nữa.

Con Nhà Giàu

(Tiếp theo)

Thượng-Tử nghe cha vợ dặn vợ phải về, thì câu lấy làm buồn, song buồn thì để lung chớ câu không dám thổ lộ như ngày trước nữa.

Rước vợ về nhà rồi, tối lại thừa lúc người trong nhà ngủ im-lìm, Thượng-Tử ở trong buồng vặn đèn lên cho tỏ và nói với vợ rằng: « Hồi trước tôi khờ dại lắm. Tôi ham chơi bời, xài phí, tôi hủy bạc mình, tôi làm buồn lòng thầy má bên nhà, mà tôi lại làm sâu não cho má bên này nữa. Bây giờ tôi nghĩ lại thiệt tôi ăn-năn không biết chừng nào. Đã biết tôi chơi-bời mấy tháng tốn hao hết mấy ngàn đồng bạc; song tôi ăn-năn đây là ăn-năn sự lỗi đạo làm chồng, làm rể, làm con, chớ không phải tại tốn-hao đó mà tôi ăn-năn, bởi vì nhờ có tốn-hao đó tôi mới biết khôn, tôi mới thoát ra khỏi con đường quấy được. Tôi đã ăn-năn cái lỗi cũ rồi, tôi đã có lấy thầy má mà xin dung thứ. Chẳng hiểu vì cơ nào thầy cứ ghét tôi hoài, nói thế nào thầy cũng không chịu cho mình về ở bên này. Minh nghĩ đó mà coi, nhà cửa vườn đất của tôi như vậy, nếu tôi về bên mà ở, thì công cuộc bên này bỏ cho ai? Còn nếu tôi ở bên này, mà mình ở bên, thì vợ chồng cách bứt nhau đã khó lòng, mà trong nhà không có đàn-bà thì lấy ai coi sóc. Tôi buồn quá. Nếu mình thương tôi, mình không phiền tôi nữa, thì mình phải tính thế nào đặng về bên này ở mà xem sóc việc nhà giùm cho tôi. Đã biết đạo làm con thì tùng quyền cha mẹ, nhưng mà gái có chồng cũng có đạo vợ chồng. Việc ở bên này hay là ở bên, quyền nhưt định tại nơi mình. Nếu mình muốn về bên này thì cha mẹ cần sao được. »

Cô hu Mạnh nghe chồng nói như vậy thì có ứa nước mắt mà đáp rằng: « Nhà cửa như vậy, mình bỏ đi về bên mà ở sao được. Tôi cũng biết lắm chớ. Phận tôi thì tôi ở đâu cũng được hết. Theo lẽ thì tôi phải về ở bên này đặng coi trong nhà trong cửa, chớ nhà mà không có đàn-bà thì hư hao chịu sao cho nổi. Ngặt vì tánh ý thầy khó

lắm. Thầy nói như rựa chém xuống đất. Việc gì cũng vậy, thầy nhưt định một lần mà thôi, ai cái cũng không được. Thầy nói bởi vì thầy không có con trai nên hồi già tôi thấy có giao bắt rể, bảy giờ đầu thế nào thầy cũng không chịu cho tôi về ở bên này. Thầy nói như vậy tôi biết làm sao. Mà tôi nghĩ nếu tôi đi về bên này thiệt cũng khó cho thầy má lắm, bởi vì trong nhà có một mình tôi, nếu tôi đi rồi làm sao. »

Thượng-Tử nghe vợ nói như vậy, cậu ngồi buồn hui. Cậu ngó trần ngọn đèn một hồi rồi cậu nói rằng:

— Tôi biết mình con phiền tôi lắm, mình chưa hết giận tôi đâu.

— Không, tôi có phiền giận chi đâu.

— Minh nói như vậy đó dĩ chỉ rõ là mình không thiệt tình. Cách tôi ở với mình hồi năm ngoái đó, làm sao mà mình không phiền được. Mà mình phiền đáng lắm, tôi có dám trách mình đâu, nên mình sợ mà phải giấu.

— Thiệt a, chẳng phải bây giờ mà thôi, năm ngoái lúc mình đánh chưởi đuổi xô tôi đó, tôi cũng không giận mình nữa. Tôi tủi phận riêng tôi vô duyên thiếu phước mà thôi.

— Nếu mình không giận tôi, mà sao bây giờ tôi ăn-năn rồi, tôi nhưt định lo sắp đặt việc nhà, không thêm chơi-bời nữa, mà mình cũng không muốn về bên này ở với tôi?

— Tôi muốn sao được. Tại thầy má, chớ phải tại tôi đâu. Thầy má không cho, tôi đâu dám cãi.

— Nếu vậy thì tình vợ chồng không có nghĩa gì hết!

— Vậy chớ đạo cha-con tôi trái được hay sao?

— Xin mình nói dứt một lần. Vì thầy má không cho, nên mình không dám trái ý cha mẹ mà theo chồng phải hôn?

Câu hỏi thiệt là rõ ràng, mà vì sự rõ ràng ấy làm cho cô hu Mạnh bối rối, nên cô không dám trả lời vội. Cô ngồi ngâm nghĩ một chút, rồi có cái mặt mà đáp rằng: « Xin mình nghĩ lại mà thương giùm phận tôi. Không phải tôi không muốn theo mình về bên này. Tại thầy không bằng lòng, tôi biết làm sao. Phận tôi thiệt là khổ quá.

HÃY HÚT THUỐC JOB

Thầy biểu tôi ở bên, mình muốn tôi về bên này; tôi ở giữa, tôi không biết liệu làm sao cho vừa ý hai bên hết được. Mà thôi, mình đừng có buồn. Tuy thầy không chịu cho tôi về bên này, song thầy có hứa cho tôi với mình qua lại. Được như vậy, thì cũng bằng hai chi lắm. Tuy tôi ở bên, song lâu lâu tôi cũng tá-diễn, chạy qua thăm bên này, chớ phải thầy má cấm tuyệt không cho tôi lui hay sao mà ngại.»

Thượng-Từ thờ dài đáp rằng:

— Vợ chồng mà phân rẽ một người ở một nơi, lâu lâu mới được hiệp nhau trong một vài ngày, chẳng khác nào một người khách, thì có bàn tính với nhau việc gì được. Tôi đương tính làm một việc trọng hệ lắm. Tôi muốn có mình ở bên này đặng hiệp với tôi mà làm.

— Mình tính làm việc gì?

— Tôi tỏ thiệt với mình; từ hồi nhỏ cho tới chừng cưới vợ, tôi ăn no rồi tính chơi cho vui, tôi muốn có tiền cho nhiều mà xài, chớ tôi không kể tới ai, tôi không thêm dè ý vào việc gì hết. Từ hôm mà mất tới nay, tôi chán ngán việc đời, tôi không thêm chơi bời nữa. Tôi ở nhà tôi nói chuyện với mấy người tá-diễn, rồi tôi đi dạo xóm tôi thấy bề ăn ở của mấy người ở trong đất nữa, thì tôi xốn-xang trong lòng, tôi thương xót phận con nhà nghèo quá. Người giàu ở không ăn chơi sung-sướng, mà lúa thóc bạc tiền có thêm hoài, không biết làm giống gì cho hết. Còn người nghèo làm từ đầu năm chí cuối, hai tay nám mặt, mà ăn ở cực khổ, áo quần lang-thang, già cả lùm cùm cũng chưa được nghĩ ngơi, con nít lớn lên thì không thể đi học. Tôi thấy như vậy tôi khó chịu quá. Tôi muốn tính từ rày sắp lên tôi không thân tiền thổ-cư của mấy người ở trong đất nữa. Còn mấy người mướn ruộng thì mùa tới dầy tôi

biểu đóng phần nữa lúa ruộng mà thôi, còn phần nữa thì tôi cho họ dặng họ khá một chút, chớ để họ nghèo quá tội nghiệp. Tôi tính như vậy đó mình nghĩ thử coi được hay không.

Có ba Mạnh tánh tình hiền hậu, thuở nay có ở với tá-diễn tá-thở thiệt là tử-tế, có chẳng hề khinh-khi ai, chẳng hề hiếp-đáp ai, chẳng hề khổ-khắc ai; nhưng mà cô là con nhà giàu, chỉ lo làm ra tiền chớ không ưa làm thất lợi, tuy cô không chịu độc-ác, song cô cũng không biết cứu giúp, bởi vậy cô nghe chồng nói bỏ tiền đất, bỏ lúa ruộng, thì cô chưng-hững, nhướng mắt ngó chồng mà đáp rằng:

— Mình tính như vậy sao được? Ở trong đất thì phải đóng tiền đất, ai có đất mà cho thiên-hạ ở không bao giờ? Còn cho mướn ruộng, hề người ta cho sao thì mình cho vậy, mình không tăng lúa ruộng là may, chớ sao lại bớt?

— Người ta làm sao tự ý họ, mình bắt chước họ làm chi. Tôi thấy người ở trong xóm họ nghèo cực tội thương quá.

— Như ai nghèo thì mình cho họ đôi ba đồng bạc, hoặc năm mười giạ lúa mà thôi chớ.

— Cứu giúp như vậy cũng được; nhưng mà cho đôi ba đồng bạc hoặc năm mười giạ lúa, bất quá đỡ vớt họ trong ít ngày mà thôi, chớ làm sao cho họ hết nghèo được.

— Trời ơi, ai làm sao cho họ hết nghèo cho được! Họ phải lo làm ăn thì họ mới hết nghèo chớ.

— Ở xứ mình, hề nghèo thì có thể nào mà hết nghèo được. Mình nghĩ đó mà coi, làm ruộng tới mùa gặt đập được chừng 500 giạ lúa, phải dặng lúa ruộng hơn ba trăm giạ, phải trả lúa trâu, lúa cấy, lúa gặt, lúa đập, lúa đất mạ, rồi còn giống gi đầu mà ăn?

(Còn nữa)

Câu Tám Lọ

(Tiếp theo)

Người ấy nói: « Nếu cô còn đợi bạn thì tôi xin kiếu... Tôi muốn tiếp chuyện với những người buồn, những người sầu, vì trong các câu chuyện ấy tôi tìm được chút vui riêng... »

Nói rồi, chào cô Huệ... đi thẳng ra sau lái... Cô Huệ nhìn theo, nói thầm rằng: « Ờ ra cũng đồng một chứng bệnh với ta. Sao ờ le như thế? Xem chừng người buồn lắm... mà không biết người tình thế nào, chớ ta thì đã như định rồi. »

Trăng đã xế về tây, dưới tàu dường như đã ngủ im lìm hết, cô nhìn quanh một vòng rồi lại nghĩ thầm rằng: « Bây giờ chắc tia má ta đã lục-được mấy bức thơ chót của ta rồi! Không biết tình cảnh tia má ta ra thế nào, chắc khóc lóc lắm, vất vả lắm thì phải... Tia má ơi! Con xin cướp công sanh-thành của tia má vì con sống cũng không làm vui cho tia má được mà lại còn làm phiền, làm nhục cho tia má nữa. Con chết đi, tia má sẽ đem tiền của mà giúp các việc đáng giúp thì qui hơn là để cho con xài vô lối! »

Cô đứng nhìn quanh một lần nữa để từ giả cõi đời. Cô kêu nhỏ nhỏ rằng: « Thôi, em Ngọc-Liên, em đừng tưởng đến chị nữa nghe! Em hãy đọc bức thơ của chị mà hiểu giùm cho tấm lòng của chị. Anh Minh-Đường ơi! Em xin anh đừng chấp nhứt em. Em còn khờ dại nên mới làm lạc thế này. »

Cô kêu rồi thì nhảy xuống sông. Sóng xao nước cuộn, chơn vịt tàu quạt mạnh, tấm thân đào liễu đã đâm ngọc trầm châu! Người mặc đồ ni đang đứng chống tay trên lan-can tàu, bỗng nghe một tiếng dưng thì biết cô Huệ đã nhảy xuống sông rồi. Người lại-đặt cổ áo, tháo giày nhảy luôn theo. Lúc ấy trong tàu đều xao xiếng, la chuyên nhau rằng có người rớt xuống sông. Có tàu lập tức báo cho quan tàu bay. Tàu dừng lại. Trên tàu thả hai chiếc ca nổi đi tìm. Hành-khách và người làm tàu đều đứng đặc trên bờng.

— Khi người kia nhảy xuống thì cô Huệ vừa lừng

đứng chìm. Cô vung hai bà lần nhưng không chịu lặn chỉ duỗi tay để cho sóng đùa. Nước khóa vào lỗ mũi, cô lại vung mạnh một lần nữa, thế là xong, cô uống nước vào bụng nhiều rồi. Cô chìm lần lần. Người kia thấy thế rần hết sức lội lại. Chiếc tàu thì đã xa dần có quay trở lại cũng còn lâu. Sóng hôm ấy lớn mà mạnh lắm. Gió thổi ào-ào. Trăng đang sáng vội mờ. Mây đen giăng mù-mịt. Người ấy cố sức lội, khi gần tới một bên cô Huệ thì lặn xuống để chụp áo cô, nhưng rồi quả, một con sóng mạnh đánh ở một cái thì người phải dang xa ra một khúc nữa. Cô Huệ cứ chìm. Người ấy mệt lắm nhưng không ngã lòng, cố hết sức chống trả với sóng gió để vớt cô Huệ cho kỳ được mới nghe. Người lặn tới chụp áo cô Huệ, toan đỡ nổi lên, nhưng tay đã mỏi, sóng lại mạnh, người không thể nào đem vào bờ đặng. Tuy thế mà không hiểu trong khi ấy người nhớ những sự gì hay thấy những điều gì mà người bỗng nhiên háng hái, đỡ cô Huệ lên khỏi mặt nước và nhón theo chiếc tàu để kêu cứu. Mỏi há miệng thì nước tràn vào, kêu không ra tiếng. Mệt quá, sóng người không buồng có Huệ, mà có Huệ thì cứ chìm. Con mắt người trông chiếc tàu đến cứu, hai chơn thì cứ lội oàm chừng cho khỏi trầm. Ngọn đèn rọi trên tàu đưa ánh sáng đến, người mừng lắm, cố sức vung cao nước lên trên không cho trên tàu thấy. Quả thế, hai chiếc ca-nổi thấy dạng người, lập tức chèo đến vớt người và cô Huệ lên.

Trong nháy mắt thủy-thủ đem người vào một phòng và cô Huệ vào một phòng để tháo nước cứu cấp. Người chỉ mệt vì uống ít nước mà lội nhiều nên tỉnh, còn cô Huệ thì uống nước nhiều lắm, phải nằm mê man. Tỉnh thoảng người hỏi: « Có nhỏ ấy có sống được không? » Một vài tiếng đáp lại rằng: « Xổ nước rồi, bây giờ đã hồi hơi thở, nhưng chưa được tỉnh... »

Tình cảnh của một người con gái đau đớn vì ái-tình như thế găm cũng đáng thương!... Cô Huệ không phải hư hèn lắm nhưng đã mắc phải lưới tình thì cũng hóa ra người diên đại. Bỏ vớt cả một cái đời của mình, vì mình làm-lạc, vì mình

HÃY RÚT THUỐC JOB

PHARMACIE de L'INDOCHINE

NGUYỄN-VĂN-DẪN
dit
NGUYỄN-KHẮC-DẪN
Pharmacien de première classe.
Ancien élève du Collège Chasseloup-Laubat

NHÀ THUỐC ĐÔNG-DƯƠNG

Ngày 11 Janvier 1932 đã khai trương tại Saigon, 132 đường d'Espagne (góc chợ Bến-thành) có bán đủ thứ thuốc Langsa và bào-chế theo các nhà thuốc Tây khác.

•—x—•
Nhứt hạng bào-chế
tại Y-viện thành Lyon.
Cựu học-sanh trường
Bổn-quốc.
•—x—•

quá thương thì thật cũng đã nghiêm khắc lắm. Ta đã thấy cô Huệ như thế thời ta cứ để cô nằm nghỉ trong cái phòng tàu ấy, vì ta biết rằng cô không chết. Ta hãy nhìn qua Cầu-ngan, nhìn vào nhà Minh-Đường xem thử sự vui vẻ ở đây ra sao.

Trong nhà khách khứa còn đang vui vầy tiệc rượu, dưới bóng trăng thanh, bên vành cửa sổ, một người con gái đứng nhìn ra cảnh vườn hoa. Trong phòng ngọn đèn đèn xanh, ngoài sân một mảnh trăng vàng, hai ánh sáng đều soi vào mặt người ấy. Mắt xanh long lánh, môi thắm đỏ tươi, hai má nóng đồng tiền, hàm răng đầy hột lựu, đều chịu ảnh hưởng của cái cười ngấm kim nơi miệng. Chỉ có một cái cười ấy mà tất cả các vẻ nơi mặt đều nở nang, tươi tắn. Người ấy đâu không xưng tên, độc-giã cũng biết là cô Kiều-Tiên vậy. Kiều-Tiên nhìn vườn hoa mà nói thầm rằng: « Cái phòng này là cái phòng của ta lúc xưa, xem không thay đổi bao nhiêu, chỉ có khác là những đồ chưng diện... Ấy, cây dứa này lúc nó thường dọi bóng che ta, đám cỏ xanh, cái ghế dài kia đều là bạn của ta lúc buổi chiều. Những cây hoa ấy đã tàn làm cho ta nhớ nhà nhớ mẹ nhớ em, nhớ những đầu đầu. Có lúc trăng lên như thế này, ta cũng đứng tại đây trông ra ngoài xa mà ước thầm nhớ trộm. Ta ước rằng phải chi Minh-Đường ở đầu sau này đi lần lần đến phòng ta, rồi cùng nhau chuyện trò, cùng chia sẻ khổi sầu cho nhau. Thế mà cũng mau thật, sự mơ ước ấy nay đã thành ra thật sự rồi... »

Cô vừa nói vừa mỉm cười, bỗng thấy xa xa có một người choàng áo mưa màu đen, đội một cái nón ni sùm-súp, đi lại phòng cô. Cô lấy làm lạ lắm, bước lui một bước để xem coi thử người ấy là ai. Trăng sáng đèn sáng, hình người ấy trông quái dị vô cùng. Cô toan kêu lên thì người ấy đã lấy nón, cởi áo quăng trước thềm, cười chồm chồm mà rằng: « Coi bỏ em kinh hãi phải không? »

Thấy cặp mắt nhìn một cách dâm ám, thấy miệng cười một cách dâm đã, cô cũng mỉm cười, trách nhỏ nhỏ rằng: « Sao anh lại làm cho em run sợ vậy? Sao lại mặc áo mưa làm gì? Chút nữa em là lớn lên rồi! »

Minh-Đường cười rồi nói rằng: « Anh muốn sự vui mừng của đời ta phải nằm trong sự run sợ như thế mới thật là êm đềm. Anh muốn cầm tay em hôm nay cũng còn run rẩy như hôm xem hát bóng ở Eden hồi năm năm trước vậy. Anh muốn em nhớ lại tất cả những chuyện xưa, nhớ tất cả những lúc trông ngóng nhau lại trong một phút này để kỷ-niệm tấm lòng đời ta. » Chàng và nói và nhảy qua cửa sổ, cầm tay Kiều-Tiên.

Kiều-Tiên nói nhỏ nhỏ: « Có lẽ là một giấc mộng chăng! Em không ngờ hôm nay lại được như vậy! »

Minh-Đường nói: « Chín có mộng mới được như vậy! Cái khoảnh thì giờ này quả là một giấc mộng... một giấc-mộng riêng của đời ta. »

Lúc bấy giờ trăng đã lên cao... Xa xa có vài ba người đi thủng thủng qua lại, phía bên kia mấy cây hoa... Nếu họ nhìn vào thì trong phòng ngọn đèn đèn đã tắt, nơi cửa sổ vòng nguyệt thì tấm rèm tơ đã bỏ xuống mà nhờ có bóng trăng nên thấy hai cái hình đứng kề nhau... Hai khoé miệng đồng cười... Hai lỗ mũi đồng ngửi một đóa hoa gì mà Kiều-Tiên cầm trong tay.

Trong khi ấy dưới tàu Jules Rueff, trong một cái phòng này thì có Huệ nằm thiêm thiếp; đắp một cái mền trắng, một tay để trên ngực... một tay bỏ xuôi theo mình.. trong phòng kia, thì người đã liêu minh cứ có Huệ, nằm dựa gối, mắt nhìn chừng ngoài cửa, miệng nói: « Vài trời cho cô ấy mạnh... xin trời phạt cho cô... đủ nghị-lực để quên được sự đau đớn... »

.....Mặt trời đã lên cao, rèm tơ còn che cửa sổ, Kiều-Tiên đã dậy, ngồi bên ghế. Minh-Đường còn nằm ngủ trong giường... Nàng vừa bới tóc xong thì nghe ngoài nhà có tiếng ồn ào, lại có tiếng kêu Minh-Đường... Nàng không hiểu sự gì, lật đật mở cửa thì thấy Ngọc-Liên tay cầm một bức thơ, mặt mày xanh như tào lá. Ngọc-Liên hỏi: « Anh hai em dậy chưa chị? Mau đánh thức anh dậy. »

Kiều-Tiên không hỏi, chạy lại giường thì Minh-Đường đã ngồi dậy, hỏi: « Có chuyện gì vậy? Chuyện gì mà nghe ngoài nhà ồn ào quá vậy? Mấy anh em đã về chưa? »

Ngọc-Liên bước theo Kiều-Tiên đến gần giường đưa thơ cho Minh-Đường xem mà rằng: « Ông Thành-Trai và mấy anh em vừa dùng điếm-tâm để về thì bác Hội-dồng đến. Bác khóc mũi. Bác kêu em đưa bức thơ này cho em và trách anh lắm. Hiện bây giờ thầy mẹ và ông Thành-Trai đang an ủi bác. »

HÃY HÚT THUỐC JOB

Kiều-Tiên nói: « Nếu vậy thì thơ của cô Huệ đó sao? Đọc thử coi... chắc quan-hệ lắm. »


Minh-Đường đọc:

« Em Ngọc-Liên,
« Em vừa bước chơn ra về thì chị lại viết bức thơ này. Chị muốn tỏ thật cho em biết sự suy nghĩ của chị ngay lúc em đang ngồi khuyên giải chị, nhưng không tiện, em ơi. — Em nói rằng trời cao đất rộng, người bao giờ cũng có lần lộn sự buồn, sự vui, không ai tránh khỏi... Phải, chẳng bao giờ ai vui mãi mà chẳng bao giờ ai buồn mãi, sự vui sự buồn thường liên tiếp nhau, đáng lẽ thì chị phải gát sự sầu thảm để an ủi cha mẹ, nhưng chị bây giờ dường như đã hết thấy trời đất cay cớ nữa rồi. Chị thương em lắm, chị biết rằng em cũng đau đớn giùm cho chị mấy phần, nhưng lần này chị không để em đau đớn nữa đâu, chị kiếm đường tách riêng một mình... Trước khi đi, chị không thể ngờ đi mà không viết thư cho em được, bức thơ này chẳng phải viết bằng viết mực đâu, bức thơ này viết bằng nước mắt và tấm lòng đỏ, em hãy giữ lấy... Em ơi, từ lúc em còn nhỏ thì chị đã xem nhà em như nhà chị, chị vào ra thân mật một cách lạ thường; đều ấy làm cho chị vui vẻ mà khoan khoái... Chị đem lòng yêu anh Hai em, yêu một cách thành thiết, yêu như những người hồi thượng-cổ, yêu mà thờ trong trái tim, yêu mà ghi tạc trong cái óc, chị thường

mong cho anh em ngó lại chị, hiểu thấu chị để cứu vớt chị... Ngày nào cũng thế, chẳng nghĩ chị khác hơn là cái hình dạng, cái tiếng tâm của anh em. Chị có tình thật, mà chị cũng xin chịu rằng cái tình ấy không phải thông thường mà mọi người đều có được đâu. Cái tình ấy chỉ dành riêng cho những hạng đa cảm đa sầu, vì hạng ấy mới biết yêu qui cái tình ấy. Chị vì quá thương mà bỗng nhiên sanh ra sự lo sợ la lung. Chị nói thật với em rằng chị lo sợ chứ không phải chị ganh ghét, chị lo sợ những sự chị không trông thấy, chị lo sợ những điều chị chưa hề nghe... Chị lo sợ lúa hóa ra cỏ, người hóa ra ma... Chị lo sợ rằng những cảnh đồng xanh xanh, những giòng nước biếc có lẽ giật mất người yêu của chị... Chị lo rằng những quyển sách hay, những lời khuyên khéo có thể làm cho người yêu không quay mặt mà nhìn chị. Chị muốn phá tất cả các cảnh đồng, lấp tất cả các giòng nước, đốt tất cả các sách, xa tất cả các lời khuyên... Ô la nhĩ, chị bấy giờ có phải lo sợ nữa đâu, chị sanh ra sự ganh ghét rồi đấy. Em Ngọc-Liên ơi! Chị thương tự phụ là mình hiểu lấy mình, thế mà về sự ganh ghét hay lo sợ, chị chưa dám nói một câu gì... Một người con gái trong sạch, chị xin nói lớn hai tiếng ấy, để đem sự thương vào lòng khảng khải quá thì cái thân người con gái ấy không bao giờ vững vàng. (Còn nữa)

Chocolat NESTLÉ

chẳng những là đồ dè trắng
miệng qui mà nó cũng là một
món ăn bổ khoẻ.



Chocolat NESTLÉ



PHAN NHI BONG

BƯỚC QUA NĂM MỚI

Thêm tuổi thì phải thêm sự học hành

Ngày tháng chạy qua như tên bắn, mới năm 1931 đó rồi kể năm 1932 tới liền. Bước qua năm mới, hết thầy các em mỗi trò đều thêm mỗi tuổi, cái ngày xa thầy, lia bạn, đề ra gánh vác công việc đời, mỗi năm mỗi đưa lần các em tới trường cạnh tranh của xã-hội.

Người lớn tuổi, mỗi lần gặp tết đến là mỗi lần buồn, buồn vì năm, tháng, nó đã thâu ngân kiếp sống của mình, mà chưa làm nên việc gì có thể gọi là có ích cho gia-đình, cho tổ-quốc. Trái lại, theo tuổi của các em, mỗi lần gặp tết đến, là mỗi lần vui mừng, vui mừng vì các em sắp thay tay nối bước cha, anh, mà ra đời để chia gánh gia-đình, sót việc xã-hội....

Trong lúc mùa xuân mát mẻ, các em nên nhớ lại: 12 tháng đã qua rồi, các em có quên sót việc gì chăng? Nếu có thì năm nay các em phải rán làm cho xong việc ấy, kéo tuổi chẳng chờ các em được nữa.

Trong lúc niên-thiếu không chỉ cần hơn là sự học, cái bổn phận của các em chỉ có một sự học mà thôi. Vậy các em phải rán lo học-hành, tuổi càng lên cao, thì sự học phải càng tiến tới, học làm sao cho kịp với tuổi mình,

LÀM ĐƯỢC HAY CHƯA?

Giải bài toán đố

Số báo trước, tôi có cậy các em làm giùm cho trò Bá một bài toán đố như vậy: Lấy mấy con số này: 1 2 3 4 5 6 7 mà sắp vào 2 cái khuôn vuông, mỗi khuôn có 8 lỗ vuông, sắp cách nào cho cộng mỗi cột (colonn.) là 2 lỗ vuông mà được 7.

Các em đã làm được hay chưa? Tôi xin chỉ cho các em thấy, cách sắp số thật không khó, chỉ thất công suy nghĩ tính toán một chút là biết.

1	2	3	4	5	6	7
---	---	---	---	---	---	---

7	6	5	4	3	2	1
---	---	---	---	---	---	---

Cộng... 7 7 7 7 7 7 7

Các em coi có khó chi không? Ta cứ day đầu cái khuôn cho ngược nhau, rồi khuôn trên viết số thuận chiều, khuôn dưới viết nghịch lại, rồi cộng mỗi cột đều được 7 là trúng.

L. Q. C.

học làm sao cho khỏi phụ công cha mẹ, nghĩa bạn, công thầy, học làm sao cho xứng với câu: « Thiếu-niên là ruộng cội của nước nhà ngày sau », ấy là cái bổn phận của các em đó.

C. N.

TRƯỚC THƯƠNG SAU GHÉT

Vì một cái khóc!

Cái khóc có khi đáng thương, mà nhiều khi cũng dễ ghét lắm. Các em hãy nghe chuyện dưới đây:

Thằng Năm* chạy dớn ngoài đường, rớt mất các bạc hồi nào không hay, đến chừng nhớ lại, kiểm hoài mà cũng không có. Nó vừa đi vừa khóc tằm tức lắm tụi. bỗng gặp ông Cả đi nhóm về, thấy vậy ông kêu nó lại mà hỏi:

— Sao cháu khóc?

— Mà tôi đưa các bạc biếu đi ra tiệm mua gạo về nấu cơm ăn, rùi tôi làm mất hồi nào không biết, sợ về má tôi đánh và cũng không có cơm mà ăn nữa, nên tôi khóc.

Ông Cả vuốt râu « trái ấu » rồi nói:

— Thôi, cháu đừng có khóc nữa. Tưởng là chuyện gì, chứ thứ mất một các bạc mà nhiều nỗi chi đó sao. Đây, bác cho cháu các bạc khác, hãy đi mua gạo về mà nấu cơm cho sớm.

Thằng Năm bây giờ hết khóc tới cười, sòng khi đi mua gạo về tới khoãng đường ấy và gặp ông Cả ấy nữa, thì nó cũng khóc thút-thít như hồi nãy.

Ông Cả rất lấy làm lạ, mới kêu nó mà hỏi:

— Sao cháu còn khóc nữa?

— Thưa bác, chớ chi hồi nãy tôi đừng làm mất các bạc của má tôi, thì tôi dư được một các của bác cho tôi đó rồi! Bởi tôi tiếc các bạc ấy nên tôi mới khóc!

H. V.

GHÌ CHO CÁC EM

Biết được ý người

Nếu các em muốn cho những bạn các em phục mình có tài, biết được thấu lòng người, thì hãy dùng 20 con bài (bài gì cũngặng), sắp lộn bậy ra hàng đôi như vậy:



Bây giờ các em biểu người nào ưng đôi nào cứ đề trong ý đừng nói ra, song cái đôi ấy phải kể theo hàng ngang, ví dụ như đôi làm dấu (X) trên đây Rồi các em mới lấy từng đôi một (theo hàng ngang) sắp theo 20 chữ trong 4 hàng dưới đây:

- (1) M U T U S
- (2) N O M E N
- (3) D E D I T
- (4) C O C I S

Trong 20 chữ này, có 10 chữ trùng nhau: MM. UU. TT. SS. NN. OO. EE. DD. II. CC. Các em cứ lấy mỗi đôi sắp vào khoãng 2 chữ trùng; đến 10 đôi thì hết.

Các em hỏi hai con bài của người kia ở về hàng nào?

Nếu họ nói:

a) ở về hàng (1) và hàng (2); thì các em cứ lấy hai con năm chỗ 2 chữ « M »;

b) ở về hàng (1) và (3); thì cứ lấy 2 con năm chỗ 2 chữ « T »;

c) ở về hàng (1) và (4); lấy hai con năm chỗ 2 chữ « S »;

d) ở về hàng (2) và (3); lấy 2 con năm chỗ hai chữ « E »;

CHUYỆN VUI

Thằng làm biếng

Vợ chồng ông kia có hai đứa con trai tên Tam và tên Từ. Thằng Tam có tật làm biếng và hay ngủ trưa, còn thằng Từ thì tánh lại siêng năng và thức dậy sớm lắm.

Sớm mai bữa kia, thằng Từ thức dậy sớm ra đường xí được một tấm giấy bạc 5\$ nó mừng quá, lật đật chạy về kêu anh nó dậy mà khoe, và nói rằng:

— Anh coi, thức dậy sớm như tôi vậy phải có lợi không?

Thằng Tam dụi dụi con mắt rồi đáp:

— Dậy sớm thì hại chớ lợi gì?

— Sao lại hại?

— Chớ chi cái thằng làm mất tấm giấy 5\$ đó, nó cũng ngủ trưa như tao, thì có đâu làm rớt tấm giấy bạc chớ mà xí được?

e) ở về hàng (2) và (4); lấy 2 con năm chỗ hai chữ « O »;

f) ở về hàng (3) và (4); lấy 2 con năm chỗ hai chữ « I »;

g) hai con bài chỉ nằm trong một hàng mà thôi, như:

Hàng (1) thì lấy 2 con ở chỗ 2 chữ « U »;

Hàng (2) thì lấy 2 con ở chỗ 2 chữ « N »;

Hàng (3) thì lấy 2 con ở chỗ 2 chữ « D »;

Hàng (4) thì lấy 2 con ở chỗ 2 chữ « C »;

Các em, phải học thuộc lòng mấy chữ đó và cứ theo trong trí nghĩ ra mà sắp, thì chẳng ai biết các em có tài gì mà biết được một cách tài tình như thế.

Làm theo cho đúng cách, thì đôi nào các em cũng có thể lấy ra đúng hết.

LIÊN-SOK

LỜI CHA TRỜI VỚI CON

Sự làm việc là một cái kho vàng

Có người làm ruộng gần miền... Kêu con lại trời chuyện riêng của mình:

« Nè, sau khi cha xuống điếm-đình,

Các con đừng bán, đừng khinh ruộng này.

Kho vàng cha giấu lâu nay.

Bây giờ quên lững chổ nào chôn ».

Dứt lời bèn xuất linh-hồn.

Các con khóc kể rồi chôn cha già.

Xong việc mới hiệp nhau ra,

Ruộng kia tìm kiếm vàng cha chôn nấp.

Cực, cay, xóc, xối, lấp, dấp.

Cùng nơi khắp chốn thấy nào vàng đâu.

Nhưng « à dất trở nên mẫu.

Đến mùa lúa tới hội thời đầy đầy.

Các con mới rõ từ đây,

Cha khuyên làm việc mới gây ra vàng!

NGUYỄN-QUANG

(Lược dịch bài

« Le laboureur et ses enfants » của La Fontaine)

CUỘC CHƠI GIẢI TRÍ

Tập thói miệng

Chị ba trò Tung đi chợ mua một xấp cảm-nhung, không biết là mấy thước, nhưng khi về đến nhà nghe cô chia cho mỗi đứa em 8 thước thì dư 2 thước, còn nếu chia cho mỗi đứa 9 thước thì lại thiếu 3 thước.

Đầu các em linh miệng thử coi có ba có mấy đứa em, và xấp hàng ấy được mấy thước?

Số háo sau tôi sẽ giải cho các em biết.

H. V.

NGƯỜI CAO LỚN VÀ THẮNG LỪN ĐỪN

Thuở xưa, dọc theo bờ sông Ninh (Nil) ở bên nước Ai-cập (Egypte), có không biết bao nhiêu là thành thần yêu quái, lãnh có, dữ có, ở dọc theo bờ sông, hoặc ở trong mấy cái lâu đài củ bỏ hoang, thường hay hiện ra để giúp đỡ, hoặc phá-khuấy những người ở nội vùng ấy.

Gần bên sông Ninh lại có hai giống người khác hẳn nhau: một giống thật cao lớn: núi lớn, cây cao, đối với họ cũng như hột sỏi, cọng cỏ mà thôi. Còn một giống khác thì lùn-dùn: từ đầu chỉ gót chỉ cao bằng con ruồi, hay con ong vô-vê. Một đều rất lạ là hai giống người này; tuy ở gần một bên nhau, mà họ lại rất đố kỵ nhau, hay chống cự và phá khuấy nhau hoài.

Về phía người lùn, có một người danh tiếng hơn hết, mà ai cũng đố kỵ tới, là tên Ruồi, anh ta làm lãnh-tu cho phái ấy. Ruồi không phải là người độc-ác, có đều anh ta có tánh rân-mắt, ưa trêu ghẹo, phá phách người lối xóm, như là ưa phá khuấy người cao lớn.

Nội vùng ấy, anh ta lại ghét riêng một người thợ may tên Bich-Can hơn hết.

Một bữa kia, lãnh-tu Ruồi đến tiệm may của Bich-Can, kêu anh ta mà nói rằng: « Quần áo của tôi đã mục rách hết, vậy anh hãy đo và may cho tôi một cái áo cho thật tốt, như cái áo của một người giàu lớn, rồi tôi sẽ trả tiền một cách xứng đáng cho. »

Bich-Can ban đầu không hiểu chi hết, anh ta tưởng đầu tiếng con ong vô-vê kêu vo-ve bên tai mà thôi: Ruồi thấy vậy mới rần hết sức la lớn lên, biểu anh thợ may lại một lần nữa.

Bây giờ Bich-Can mới đề ý, kiểm kỹ lại thì ngó thấy một người lùn-dùn, đang rần đứng nhón gót cho cao lên, mặt mày kỳ-dị thấy đố kỵ lắm. Bich-Can cười ngất rồi nói:

— Trời đất ơi, đo ni tắc cho một người lớn bằng con ruồi như vậy, đặng may một cái áo, thì ai tài gì mà đo cho đặng? Thôi đi chú lùn. Tôi không có cây thước nào mà lấy ni chú cho đặng đâu. Mà đầu cho có lấy ni được đi nữa, thì tôi mới lấy thước vải gì mà may áo cho chú được? Chú hãy nghĩ lại mà coi, hai bàn tay kịch-cớm của tôi, có thể làm chuyện ấy đặng không? Lấy chỉ mà may áo cho chú, thì cũng chẳng khác gì xách gươm mà đâm cho rách áo của chú vậy. Thôi, chú hãy về đi, mượn một vi tiền-có, hoặc một anh thầy pháp nào, họ may giùm cho; chớ còn tôi, thật không thể nào tôi làm cho vừa lòng chú được.



Lãnh-tu Ruồi bộ giận lắm, nên nói:

— Nói vậy, té ra anh không chịu đo ni tắc mà may áo cho tôi phải không?

— Đo sao được mà chú ép tôi phải đo? Anh thợ may nói câu ấy rồi cười ngả nghiêng ngả ngửa, làm cho Ruồi lại càng thêm giận, nên hỏi gắt:

— Thiệt anh không chịu đo hay sạo? Một lần!...

-- Tôi đã nói đo không đặng mà...

— Hai lần!...

— Thôi mà! Chú hãy để cho tôi làm ăn, chớ nếu chú chọc tôi cười riết ắt phải bị bẻ bụng mà chết mất!

— Ba lần!...

— Thôi, đi về đi mà, cha!

— Được, anh không chịu may áo cho tôi thì kể từ ngày nay, tôi với anh là kẻ thù nhau rồi đa nghe?

Dứt lời, Ruồi giận dữ ra về, dung cử nghe lộp-cộp...

Bich-Can nói thầm: « Thằng lùn đó nó có thể-lực lắm, chớ chi ta có thể may đặng, thì ta cũng may phước cho nó một cái áo cho rồi, chớ không chịu may, chỉ cho khỏi nó tưởng đầu là ta khi nó, rồi nó giận ta, kiếm cách báo hại ta cũng không biết chừng. »

Bich-Can nghĩ như vậy rồi anh ta buồn lắm. Mà thiệt quả, từ đó về Bich-Can ngồi lại may đồ thì cầm tới vải, vải rách, cầm tới kéo xấp vải lộn kéo chạy lại bày hoài. Tuy vậy, anh ta cũng tưởng đầu là tại mình vô ý mà thôi, chớ không ngờ là tại lãnh-tu Ruồi thù-vật nên phá-khuấy.

Mlle LONG-QUANG, dịch.

(Còn nữa).

Phòng Trồng Răng BÀ HAMON-CORBINEAU

Y-khoa đại-học Paris

Cách kim-thời
Không đau đớn 164 rue Pellerin
Làm răng vàng
Giả rẻ. Tél. n° 914.

Bán hết xoàn có tiếng đã 20 năm nay.
XIN QUI BÀ QUI CÓ CHIÊU CỜ

O. M. IBRAHIM & C^{ie}

44, Rue Catinat 44,

SAIGON

THUỐC MỚI!

THUỐC MỚI!

NÊN BỎ Á-PHIỆN

Bằng thuốc Giỏi-viên đại-bộ hiệu CON Ó của nhà thuốc
BÀ-NGỌC-ĐƯƠNG

Bà-đương chuyên môn bán-ròng thuốc bỏ Á-phiện gần 10 năm nay. Khắp Đông-Pháp đều nghe danh thuốc Nguyễn-hòa-Liên hay đại tài.

Vì muốn chớ vừa lòng mỗi người, nên Bà-đương tận tâm bào chế riêng một thứ thuốc thiệt mạnh mà chất thuốc lại mát mẻ vô cùng. Để riêng cho các xứ nóng như Nam-kỳ, Trung-kỳ và Caomen dùng thì bỏ được rất dễ, ít tốn tiền. Hút thuốc không mỗi ngày 1\$00 thì tốn 6.ve đủ bở.

Mỗi ve 70 viên 1\$00 - Ve 35 viên 0\$50

Người hút tớn hay hút nhya mỗi ngày trên 3\$00 thì nóng thứ thiệt mạnh ve 70 viên 1\$20 cũng tốt. Ở xa gửi cách « Lãnh hỏa giao ngân ».

Thơ và mandat gửi cho: M. NGUYỄN-HÒA-LIÊN
Pharmacie
246 Rue d'Espagne, 246 Saigon

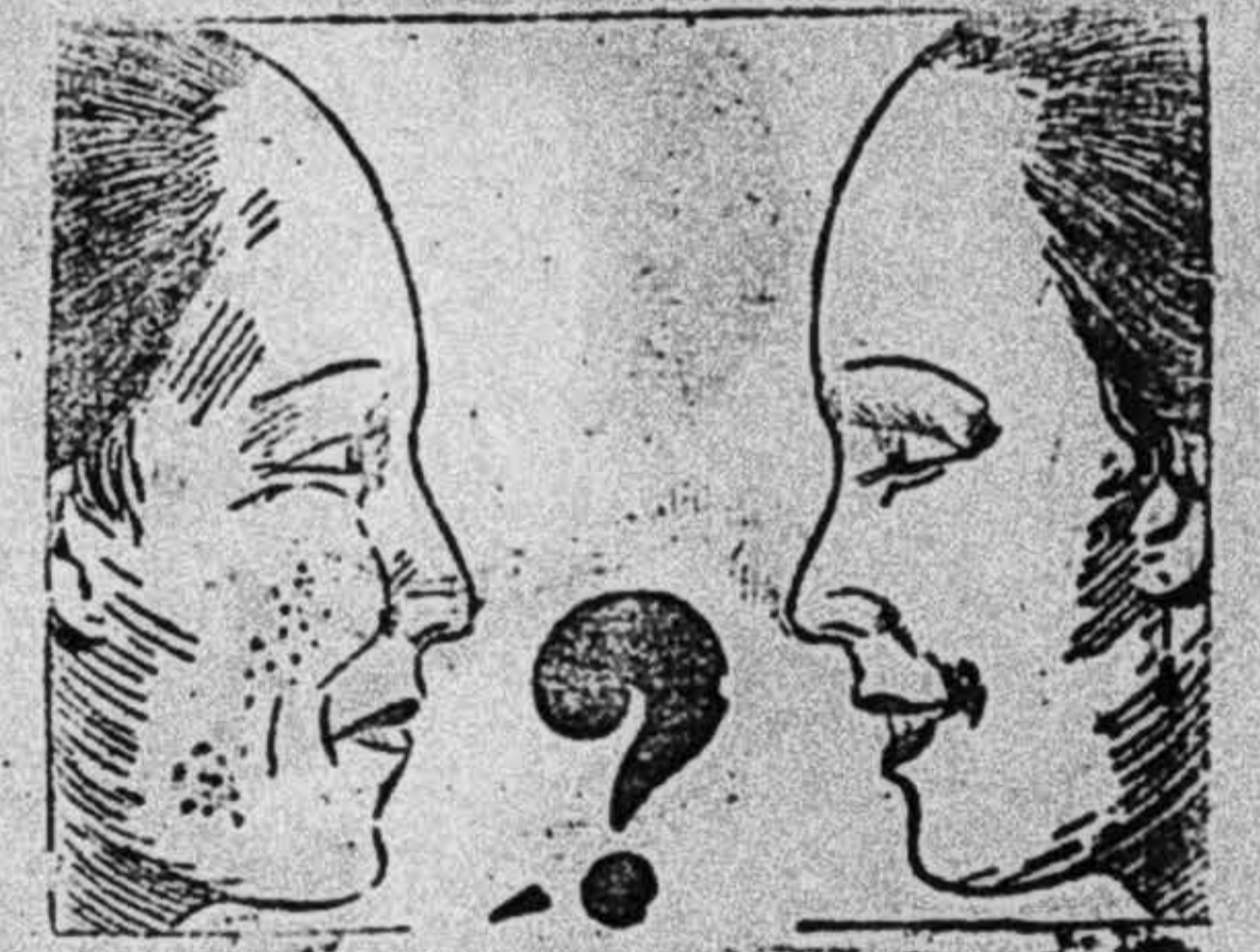
HÃY HÚT THUỐC JOB



**DÈN HIỆU
COLEMAN**
LA DÈN TỐT
HANG NHÚT
HỞI Ở HÀNG
L'UNION COMMERCIALE
SAIGON

Ròng ra đời

Ròng ra đời thì trời mưa, mà hề trời mưa thì có áo mưa hiệu The Dragon cũng ra đời. Quý ông muốn sắm áo mưa thì thiệt tốt như mà giá rẻ thì chớ có kiếm thứ hiệu The Dragon là được vừa ý. Xin coi cho kỹ và nài cho có nhãn hiệu The Dragon bang satin thêu chữ vàng đính sau bầu áo.



Thưa các bà.

Nếu như mặt các bà có nứt ruồi, có mụn, da mặt có rằn, nước da vàng và có mờ xanh rịn; tóc rụng, lông mi mắt không dày; mắt không sáng nữa... v... v...

Muốn trị những chứng đó, thì xin các bà dùng những dầu phấn của Viện-Mỹ-Nhơn « KEVA » chế ra.

Nhiều bà đã dùng thử, đều làm chứng cho là thần hiệu. Xin xem không phải trả tiền. Ai xin-catalogue, sẽ gửi cho, không lấy tiền.

Mme Courrier
Viện-Mỹ-Nhơn Kéva

40, rue Chasseloup-Laubat Saigon. Téléphone 752.

Le Directeur Gérant: NGUYỄN-ĐỨC-NHUẬN